

THƯ VIỆN ĐỒNG THÁP



DAVV11.166



SEN HỒNG

59.789

DAVV11.166

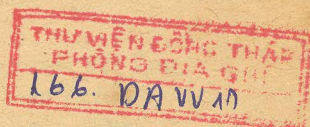
ĐỒNG THÁP

Sen hồng Đồng Tháp

959 789
S203 H

SEN HỒNG ĐỒNG THÁP

(Hồi ký — Tập II)



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG THÁP

— 1992 —

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

CHÔNG thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược là hai cuộc kháng chiến vĩ đại nhất, oanh liệt nhất trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam.

Nhân dân ta, một nước nông nghiệp lạc hậu phải đương đầu với những đế quốc đầu sỏ có nền công nghiệp hiện đại ; những người nông dân mặc áo lính, lực lượng ít ỏi, trang bị vũ khí thô sơ, phải đương đầu với một đội quân nhà nghề, đồ quân ô ạt, trang bị vũ khí hiện đại tận răng ; những người dân chất phác, hiền lành phải đương đầu với một lũ người mất hết tính người, hung ác, xảo quyệt, dã man. Song cuối cùng nhân dân ta là người chiến thắng trong cuộc độ sức không cân sức đó.

Có người đã viết :

— Ôi...! Mảnh đất đau thương bầm vết đạn

Đến cỏ cây, sông nước cũng kiên cường

Mỗi tấc đất — tên chiến công ngời sáng

Mỗi người dân — bao sự tích anh hùng

Năm tháng đi qua, thời đại trước qua đi... Người thời sau khó lòng hiểu biết hết những « sự tích anh hùng » của người đi trước. Hồi ký cách mạng là một phương pháp làm sống lại phần nào chuyện đã qua. Một quyển sách mỏng với mười mẩu chuyện nhỏ của mười người — một bó hoa trong một rừng hoa — quả là quá ít ỏi, chưa nói được những gì đáng nói.

Do vậy, quyền sách khiêm tốn này chỉ muốn đạt đến : Một là, khởi động cho phong trào viết hồi ký của cán bộ, chiến sĩ, nhân dân tỉnh nhà qua hai cuộc kháng chiến Hai là, phác đôi nét đơn sơ giúp thế hệ hôm nay hiểu phần nào cuộc sống của thế hệ cha anh, vun bồi thêm truyền thống cách mạng hào hùng của dân tộc mình, quyết tâm xây dựng và bảo vệ thành công Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đó là lý do ra đời và mong ước của quyền hồi ký « Sen hồng Đồng Tháp ».

Đồng Tháp, mùa thu 1992

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
ĐỒNG THÁP

CẢNH SÔI ĐỘNG Ở CHỢ CAO LÃNH TRONG NHỮNG NGÀY ĐẦU CÁCH MẠNG THÁNG 8 NĂM 1945

Cách mạng Tháng 8 năm 1945, tôi mới 16 tuổi. Từ một học sinh mới rời ghế nhà trường của thực dân Pháp, tôi không có một ý thức gì về chính trị. Lúc cao trào Cách mạng Tháng 8 như sóng trào biển dậy, người ta truyền tin cho nhau là: nước Việt Nam mình được độc lập rồi, dân mình được tự do rồi... chừng đó tôi mới nghĩ ra: «À! Thế ra hồi nào tới giờ mình là dân nô lệ mà không biết chứ!» Cộng với cảnh sôi động của thời kỳ đó, tự nhiên tôi cảm thấy trong người như có 1 dòng máu mới được hâm nóng lại mà lâu nay nó đã nguội ngắt tự bao giờ.

Ngày 24-8-1945, tôi được anh em trong toán (lúc đó tôi là đội viên Thanh niên Tiền phong) bảo chuẩn bị mai đi biểu tình để mừng Cách mạng Tháng 8 thành công.

Sáng ngày 25-8, nhân dân ở chợ Cao Lãnh (lúc đó chỉ là chợ huyện) tập hợp rất đông, từ đầu cầu đúc (phía bên chợ) dài xuống đến dưới cầu tàu, ai nấy ăn mặc rất chỉnh tề. Đám Thanh niên Tiền phong ăn mặc bảnh bao nhứt, phần lớn là thanh niên học sinh ở xung quanh chợ Cao Lãnh, mặc đồng phục áo sơ mi trắng bỏ vô quần, bên hông dắt 1 cây dao găm, 1 cuộn dây, tay cầm tầm vòng vạc nhọn, đầu đội nón đệm hoặc nón kaki 3 múi, có dây buộc vòng xuống cổ,

có tòng có tui coi « oai » lắm. Ở đầu đoàn biểu tình có 2 cây cờ : 1 cờ vàng sao đỏ (của Thanh niên Tiền phong), 1 cờ đỏ sao vàng (quốc kỳ). Kế đó là đoàn Thanh niên Tiền phong đi rất rập ràng, vừa đi vừa hát bài « Tiếng gọi thanh niên », « Lên đường ». . Vì đa số là thanh niên học sinh nên giọng hát cũng khá đúng giọng, đúng nhịp.

Khi đoàn kéo lên đến sân vận động (ở khoảng UBND tỉnh bây giờ) thì gặp ngay hai đoàn khác, 1 ở phía Phong Mỹ, Mỹ Ngãi kéo xuống. 1 ở phía Đình Trung, Ba Sao kéo ra. Hai đoàn này có điểm đặc biệt, đa số là nông dân lao động, lớp nghèo thành thị, phần lớn mặc đồ đen, có nhiều người cởi trần, mặc quần đùi đầu quấn khăn xước, hoặc khăn choàng tắm buộc ngang eo ếch. Họ trang bị toàn là gậy gộc, dao búa, cuốc, xẻng, dao dáu, kiếm, câu liềm... Ở giữa đoàn giương cao chót vót một mô hình búa liềm thật lớn làm bằng giấy các-lông. Có tiếng xì xào trong đoàn : « Mấy ông Cộng sản đó ! ». Tôi thật ngỡ ngàng. Tôi nhớ trước đây người ta đồn những người Cộng sản dữ dằn lắm, họ mổ bụng đồn trấu v.v... », sao bây giờ thấy họ quá mộc mạc, mặt mày chất phác, hồ hởi, họ vừa đi vừa đánh trống chầu, vừa hát bài « cùng nhau ta đi hồng binh ». Họ hát không đúng giọng lắm, nhưng do điệu hát cũng đơn giản, nên tiếng hát nghe trầm hùng hết sức mạnh mẽ : « Cùng nhau ta đi hồng binh, cùng nhau mưu đời sống, ta quyết chí hy sinh, đấu tranh đến cùng ». Đoàn biểu tình này đã gây 1 ấn tượng mạnh đối với tôi, đúng là những người hùng dũng có 1 sức mạnh kỳ lạ. Sự xúc động đó đã thúc đẩy tôi về nhà sáng tác 1 bài hát đầu tay nói về họ. Các bạn cũng thông cảm cho, trình độ bài hát thời 45 mà, bài hát đầu tiên của một chú bé 16 tuổi ấy. Lúc đó, nhìn lại đoàn thanh

niên tiền phong của mình, tôi thấy hơi nhột nhạt, đúng là những câu «công tử bột».

Sau khi các đoàn biểu tình tập hợp hết vào sân vận động, bắt đầu khai mạc, làm lễ chào cờ, người ta trưng cây cờ đỏ sao vàng chứ không phải cây cờ vàng sao đỏ của Thanh niên Tiền phong. Đội nhạc hát bài «Tiếng gọi thanh niên» (lúc đó bài «Tiến quân ca» chưa được thông báo là quốc ca). Đến mặc niệm, đội nhạc hát 1 đoạn của bài kinh cầu nguyện «Trời mây u ám gió cuốn tả tơi hoa cỏ...». Bài hát rất buồn. Một luồng xúc động đến với mọi người. Họ tưởng nhớ đến nhiều bạn bè đã hy sinh cho cách mạng. Nhiều người lấy khăn tay lau nước mắt. Sau khi chú Út Cừ (Chủ tịch UBCM lâm thời) đọc xong bài diễn văn ca ngợi Cách mạng Tháng 8, đoàn biểu tình bắt đầu kéo xuống chợ, vừa đi vừa hô khẩu hiệu vang trời «Đả đảo đế quốc Pháp», «Việt Nam độc lập muôn năm !», «Mặt trận Việt Minh muôn năm !...» Đây là lần đầu tiên dân Cao Lãnh dám hô những khẩu hiệu đó giữa thanh thiên bạch nhật. Anh em la khẩu hiệu đều khan cả cổ, khoái vô cùng ! Đầu đoàn đã đến cầu «Cái Sâu» (cũ) mà cuối đoàn vẫn còn ở gần chỗ Ủy ban Thị xã Cao Lãnh bây giờ. Đây là lần đầu tiên, dân Cao Lãnh tổ chức 1 cuộc biểu tình lớn như vậy (không rõ nó có đồng bằng cuộc biểu tình chống thuế năm 1930 không, vì lúc đó tôi còn nhỏ quá nên không rõ). Trong khi đoàn biểu tình đi, hề thấy ai đi đường, cũng gọi vào cùng đi, thật đủ các hạng người : nông dân, thợ thủ công, người mua bán, các tôn giáo (công giáo, Phật giáo, Cao đài, Hòa hảo, Tin lành), các giáo chức, viên chức Nhà nước, cả đội lính mã tà của Pháp cũ lúc đó cũng tham gia... Người nào người nấy như mở cờ trong bụng, ai cũng có chung một ý nghĩ «Tây thua rồi, nước Việt Nam mình độc lập rồi». Sau cuộc mít-ting,

nhiều người bu quanh chú Út Cừ, một câu mà nhiều người hỏi đến là ai sẽ «làm vua» nước Việt Nam mình? Chú Út Cừ bình tĩnh trả lời: Chắc là Cụ Nguyễn Ái Quốc, tức là Cụ Hồ Chí Minh mà hôm rày bà con đã nghe Cụ kêu gọi dân mình đánh Tây đó, nhưng còn phải chờ Quốc hội bầu nữa. Ai nấy cũng thấy Cụ Nguyễn Ái Quốc «làm vua» là đúng quá rồi mặc dù chưa ai biết mặt mũi Cụ ra sao, nhưng tên tuổi thì đã nghe từ lâu rồi. Chú Út Cừ nói tiếp: Bây giờ ta không còn vua nữa. Bảo Đại thoái vị rồi, nước mình bây giờ chỉ có Chủ tịch nước thôi. Chừng đó nhân dân mới hiểu ra. Trong không khí sôi động rầm rộ như vậy, ai cũng bức bối khi nghe nói Pháp ở Sài Gòn núp sau lưng quân đội Anh—Ấn đi giải giáp quân đội Nhật để thừa cơ hội lấn chiếm ra nhiều tỉnh. Ai cũng tức lắm, quyết đánh tan bọn Pháp. Người ta tổ chức các trạm gác: ở ngay mé sông Cao Lãnh (dưới cầu đúc một chút) 1 trạm, cầu Xếp Lá, cầu Cái Sâu, cầu Định Trung, cầu ông Hai Hiền, cầu Chùa Phật, mỗi nơi một trạm. Vì có tin Pháp đang tung gián điệp đi do thám vùng giải phóng của mình để đánh chiếm lại nên lúc đó người nào đi lang thang mà không có giấy chứng nhận là đoàn viên đoàn thể cách mạng, hoặc trong mình có khăn tay, hoặc áo gối thêu 3 màu chỉ xanh trắng đỏ thì bị bắt và sẽ bị giết chết như chơi, vì cho là mật hiệu của bọn gián điệp mang cờ tam sắc (cờ Pháp). Tôi nhớ lúc đó, ai cũng xin vào đoàn thể hết. Họ tự nguyện đến xin gia nhập để tham gia đánh Tây và lãnh được cái giấy chứng nhận để chứng minh rằng tôi là người của cách mạng.

Lúc đó hề có tàu Tây chạy ngoài sông Cửu Long thì trống mỗ đánh chuyền từ sông Cửu Long vào đến Cao Lãnh. Hề nghe trống đánh, bất cứ lúc nào, có khi nửa đêm cũng có, thì tất cả thanh niên phải xách tầm

vòng, gậy gộc chạy ngay lên chỗ nhà xọc (câu lạc bộ) ở kế nhà Bảo tàng bây giờ, để chờ lệnh đi đánh Tây. Tuy nói đánh Tây như vậy chứ có ai biết đánh Tây ra làm sao. Cứ tưởng hễ gặp nó thì cứ nhào ra đâm chém đại cho nó chết. Lúc đó bên ta chỉ toàn là súng cây, gậy tầm vòng, chỉ có đội lính mã tà của Pháp để lại (họ cũng theo ta) là có được vài cây súng mát-cơ-tông của Pháp, còn trạm gác ở bờ sông (dưới cầu đúc) thì chỉ có 1 cây súng lửa « calip 12 » có 2 nòng (loại súng bắn chim) nhưng không có viên đạn nào hết. Mỗi lần gác, tôi đều lãnh mang cây súng lửa này. Lúc đó mà mang được cây súng này là oai lắm đó. Tuy vũ khí như vậy, nhưng hăng lắm, tính hễ Tây vào đây thì nó chết như chơi, vì chỉ nghĩ rằng quân nó ít, quân ta đông, đánh như kiểu « kiến lửa bu cắn con bọ cào trời », kiến bu cắn riết rồi con bọ cào trời cũng chết. Nhiều người còn bản táp « Tàu Tây dễ gì dám vào sông Cao Lãnh !. Nó vô đây, mình đón cây chặn bít 2 đầu, nó mắc kẹt ở giữa, trong này mình đánh kịch liệt nó đâu có đường chạy ra, chỉ có chết thôi ! ». Lúc đó ai cũng tin câu đó có lý. Ai cũng sôi sục quyết chí đánh Tây, ai không dám đánh Tây là nhát, là dỏ, là hèn, thậm chí còn bị gán cho tội « việt gian » nữa là khác. Tôi nhớ, một hôm được tin có 1 chiếc tàu nhỏ của Nhật chở vũ khí từ Cần Lố chạy theo sông Cái Sao Hạ lên Đình Trung. Nghe tin đó ai cũng mừng, tính rằng thế nào mình cũng đánh được chiếc tàu này lấy súng. Ta mới tổ chức một đội, độ vài chục người vác súng cây, gậy gộc định vờ đón đánh tàu Nhật. Đội này được giao cho anh cò M... chỉ huy. Có lẽ do ảnh làm cò trước đây nên có biết chút ít về cách đánh giặc nên anh thấy quân ta như vậy, vũ khí cỡ đó, làm sao đánh được tàu Nhật ? Khi anh dắt đoàn quân đi một đoạn vào đến gần Đình Trung, anh kêu đau bụng quá,

phải đi « ngoài ». Cả đoàn chờ lâu quá, khi anh ra dắt đoàn vào đến sông Đình Trung thì chiếc tàu Nhựt đã chạy trở ra sông Tiền rồi. Lúc đó người ta mới nghi vấn và lên án anh cò M... là « việt gian », phải bắt xử tử ! Ủy ban lâm thời phải bắt giam anh cò M... Trước tình hình căng thẳng như vậy, anh Út Cừ tổ chức một cuộc họp dân ở tại ngay ngã tư bùng binh, trước nhà Mười Chuyển. Dân họp đông lắm, có nhiều tiếng hô : « Phải xử tử cò M ! Xử tử cò M ! cò M... là việt gian lập kế hoãn binh để tàu Nhựt chạy thoát »... Trước tình hình đó, chú Út Cừ phải đứng lên bình tĩnh nói đại ý là : Trước hết tôi hoan nghênh tinh thần quyết tử của đồng bào. Nhưng chúng ta cũng phải thực tế một chút, Nhựt tuy thua, nhưng vũ khí nó còn nhiều, còn ta thì không có súng ống gì hết, chỉ có anh cò M... có cây súng lục, làm sao đánh được tàu Nhựt ? chuyện đánh giặc không phải như đánh võ mà được. Dù anh cò M... không đau bụng đi nữa, thì ta cũng không đánh thắng tàu Nhựt được đâu. Đúng là anh cò M... phải bị xử tử theo ý của đồng bào. Vì ý dân là ý trời mà ! Nhưng vì ông trời cũng nhân từ lắm, nên tôi xin phép bà con cho tôi xin được miễn xử tử anh cò M... Dù ta có xử tử, anh cò M..., có chết đi nữa, thì chiếc tàu Nhựt cũng chạy mất rồi. Tôi xin bà con hãy lấy lòng nhân từ của trời phạt mà tha tội cho anh cò M... không rõ bà con có đồng ý không ? Bên dưới có nhiều tiếng hưởng ứng : đồng ý ! Đồng ý ! Thế là anh cò M... thoát chết. Anh vẫn được tiếp tục nhiệm vụ của mình 1 cách tích cực hơn.

Sau cuộc biểu tình ngày 25/8 một không khí cách mạng sôi sục khắp các làng xã, từ thành thị đến nông thôn. Đi đến đâu cũng thấy lực lượng dân quân du kích nam nữ, tập hợp, tập đi, tập nghiêm, nghỉ, quay

bên trái, bên phải v.v..., ở đâu cũng nghe tiếng hô : một, hai, một, một hai một... Người nào cũng đi chân đất, quần xắn lên tận đầu gối, choàng tấm quần ngang eo ếch, cầm gậy, cầm vòng vạc nhọn. Đến chiều tối thì tập võ nghệ, không biết cơ man nào là bài tập võ, chỗ này tập quyền thảo, chỗ khác tập đánh roi, đánh kiếm... Có nơi rước thầy nghề võ từ trên Bảy Núi về để dạy cho con cháu. Ai cũng thề quyết giữ cho được độc lập nước nhà. Nhưng từ đó, tin tức từ Sài Gòn báo về, Pháp chiếm dần ra các tỉnh, đã xuống đến Vĩnh Long rồi. Ai cũng lo. Tại sao các tỉnh khác không chịu đánh, để thất thủ hết như vậy ? Sau mới biết là do Pháp núp sau quân đội Anh—Ấn đi giải giáp quân đội Nhật, nên Pháp thắp từng lần chiếm luôn.

Lúc đó lại có quân của Đệ Tam sư đoàn kéo về Cao Lãnh, quân đông lắm, ăn mặc đồ ka ki nhà binh, đội nón sắt, chạy xe jeep, súng ống toàn loại tốt do Nguyễn Hòa Hiệp cầm đầu. Khi mới về Cao Lãnh họ dán tờ hiệu triệu khắp nơi kêu gọi đồng bào hãy ủng hộ Đệ Tam sư đoàn. Nguyễn Hòa Hiệp hứa sẽ quyết tâm giữ vững Cao Lãnh, đánh lại Sa Đéc, Vĩnh Long... Thấy cái «gió» bên ngoài, nhiều người cũng hy vọng Đệ Tam sư đoàn sẽ là người đủ sức đương đầu với Pháp để giữ Cao Lãnh. Nhưng được vài hôm, chúng lại đi lung sục bắt bớ các đồng chí lãnh đạo cách mạng địa phương. Chúng tung giấy bạc 500 đồng (bạc đã bị cấm) bắt nhân dân phải xài, làm nhiều người sạt nghiệp, mất tiền, mất cửa.

Đến sáng mùng 4 tết năm 46, Pháp đậu tàu tại vàm Song Con Cao Lãnh bắn đại bác xuống chợ Cao Lãnh. Lần đầu tiên nhân dân Cao Lãnh nghe tiếng đại bác, đạn bay như xé lụa trên không khí suốt từ sáng đến trưa. Chúng bắn không trúng chợ mà đi quá xuống chỗ chùa Cao Đài xã Mỹ Trà bây giờ. Chiều lại, chúng đi hai

sánh, 1 từ vằm Sông Con xuống, 1 từ vằm Cồn Lỗ lên. Chúng ngồi trên mũi ghe, vừa đi vừa hát, vừa kéo đàn ắc-ôc-đê-ông. Thằng nào thằng nấy ở trần trụi trụi, đổ lơ lơ lỏng, lông lá xồm xàm, ai cũng tức sôi máu, nhưng trong tay lại không có 1 cây súng. Đúng 4 giờ 30 chiều ngày mồng 4 tết năm 46, dưới vòm mây xám đen, lá cờ tam sắc của Pháp lại bay phất phới trước dinh quận. Một vài anh em thanh niên ngồi nhìn lá cờ mà khóc, vì tức cũng có, vì tiếc cũng có. «Thôi còn đâu những ngày sôi động rầm rộ như mấy ngày đầu Cách mạng Tháng 8», hết rồi... Đó cũng là một tâm trạng của những anh tiểu tư sản học sinh «thăng thì kiêu căng, bại thì chán nản». Nhưng cũng có người còn hy vọng rằng đêm nay, Đệ Tam sư đoàn sẽ đánh bại Tây đóng ở chợ Cao Lãnh, vì chúng mới đến chưa kịp làm đồn bót. Chúng tôi thức suốt đêm chờ súng nổ, để chạy lên tiếp sức. Nhưng cho đến sáng, chẳng có 1 trận nổ súng nào ngoài vài tiếng súng lẹt đẹt cò lể của tụi lính Tây bắn hàng loạt. Sáng hỏi ra mới biết bọn Đệ Tam sư đoàn đã bỏ Cao Lãnh rút chạy vào Đồng Tháp Mười từ sáng qua — khi Pháp bắt đầu bắn pháo vào thị trấn Cao Lãnh. Thiên hạ ai cũng chửi bọn Đệ Tam sư đoàn là «Đồ ăn hại», «Bọn nói dóc». Trước tình hình đó, trên chỉ đạo xuống là mình phải tự tổ chức lại lực lượng đoàn thể, lực lượng dân quân du kích để kháng chiến chống Pháp. Chúng tôi hết sức phấn khởi: «À, vậy là đảng mình vẫn còn!».

Thực sự lúc đó vũ khí của lực lượng dân quân du kích cũng không có gì ngoài gươm đao, gậy gộc, tầm vông, một vài trái lựu đạn «mãng cầu», ở sau đuôi lựu đạn có buộc 1 chùm dây chuối xé nhỏ.

Sau đó vài tháng, ở chợ Cao Lãnh người ta đồn có chi đội 18 của ông Xuyên về, súng ống nhiều dữ lắm. Nhưng thực sự cũng chỉ có một vài cây súng

trường, vài cây súng FM ; còn bao nhiêu là dao găm, gươm, mã tấu. Chúng tôi đi vận động bà con ở chợ ủng hộ Chi đội 18. Có 1 điều lạ là lúc đó chớ có ai thấy mặt anh em Chi đội 18 ra sao và ở đâu, nhưng khi nghe nói đến việc vận động ủng hộ, thì hầu hết các tiệm ở chợ Cao Lãnh, từ người Việt đến người Hoa như tiệm Chánh ký, Nhiều Thuận Hưng, Thành Hưng Lâm Chương Ký, Dư Hòa Thạnh,... người gởi tiền, người gởi vải, bánh trái, thuốc hút... vào cho chi đội 18. Nhưng cũng có một số người không tin, nhất là số trí thức, hoặc số khá giả. Họ không tin là ta đánh thắng được Tây, họ nói : « Đó, Đệ tam sư đoàn đó, đánh chác gì đâu ! » Có người khi chúng tôi đến vận động, họ cười ra nước mắt : « Thôi đi mấy ông ơi ! Trúng mà chọi với đá ! Nó có xe tăng, tàu chiến, đại bác, còn các ông thì có ba trái lựu đạn « măng cầu », mấy cây gươm quèn như vậy mà đánh chác cái gì cho uổng công mà chết dân nữa ! Còn mấy ông trạm gác thì đọc chữ quốc ngữ không chạy mà đòi đánh Tây ! ».

Thật ra lúc nghe họ nói tụi tôi cũng hơi đuối lý, nhưng có 1 điều là chúng tôi cứ nghe lời kêu gọi của Bác Hồ : « Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh » « Ai có súng dùng súng, có gươm dùng gươm... » Từ đó chúng tôi lên đường đi theo con đường của Trung ương Đảng của Bác chỉ dẫn. Từ tay không, với mấy cây tầm vông vạc nhọn quèn đó mà tiến dần lên cho đến lúc đánh thắng được 2 tên Đế quốc Pháp, Mỹ thuộc loại sừng sỏ nhứt thế giới. Nhiều khi nằm nhớ lại hồi thời xa xưa, mình cứ tưởng như nằm mơ, như 1 chuyện thần thoại mà có thật mới kỳ chớ.

Ngày nay, khó khăn của ta còn nhiều, nhưng chắc chắn là không bằng hồi năm 45. Ta tin rằng, ta có Đảng già dặn kinh nghiệm, lại có thêm lớp trẻ mới

tấn lên, lòng đầy nhiệt huyết ; nếu không làm thì thôi, chớ hễ làm thì có trật, có trúng, cũng như trong chiến tranh trước kia, cũng có trận thắng, trận thua ; miễn là mình phải quyết tâm, kiên trì, không dao động, tin ở Trung ương Đảng thì cái mục tiêu XHCN không phải là cái gì ghê gớm lắm mà chúng ta không đạt được.

23-8-1990

NGUYỄN THANH PHONG

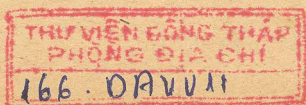


NHỮNG NGÀY ĐẦY Ý NGHĨA

Tôi còn nhớ một buổi sáng mùa hè năm 1948 tại nhà đóng quân, anh Bảo Định Giang đang cúi gằm trầm ngâm trong giây phút, bỗng đứng anh ngược mắt nhìn lên rồi nhìn thẳng vào tôi, nói tiếp :

« Quân đội ta vốn là một đội quân tay không, đi chân đất mà dám đứng lên chống giặc bằng chính quả tim mình, cộng với tin thần đầy dũng cảm, hy sinh vô bờ bến... Biển không thành có, biển khó thành dễ.. để đánh giặc, lập được công và trên thực tế họ đã từng lập được nhiều chiến công hiển hách. Vậy anh cũng là một quân nhân, xuất thân từ ngành họa và trang trí sân khấu Sài Gòn, vô bụng biển tham gia kháng chiến... tại sao anh không tự tìm được sáng kiến để có thể vẽ tranh ? Biển không thành có... Nhất là tranh đó là chân dung của Bác Hồ, một hình ảnh vô cùng thiêng liêng đối với đồng bào Nam bộ cả bộ đội Cụ Hồ vô cùng kính yêu và tuyệt đối tin tưởng... Cũng xuất phát từ mối quan hệ tình cảm đặc biệt đó, cho nên Quân khu ủy và Bộ Tư lệnh Khu 8 chúng ta mới quyết định dùng hình tượng Bác để làm giải thưởng đặc biệt, tặng các đơn vị Vệ quốc đoàn Khu 8 đang thi đua giành chiến thắng trên khắp chiến trường Quân khu. Đồng thời, còn gởi tặng Quân khu 7 và Quân khu 9, cả Ủy ban kháng chiến hành chánh Nam bộ, Trung ương cục miền Nam, Đặc khu Sài Gòn — Chợ Lớn, nhân dịp lễ kỷ niệm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam năm nay ».

Đó là những lời truyền đạt rất thâm tình của anh



Bảo Định Giang, lúc đó là Trưởng ban tuyên truyền Khu 8, đồng thời đó là lệnh của Bộ Tư lệnh Quân khu, gồm các đồng chí Trần Văn Trà, Nguyễn Văn Vịnh, và đồng chí Nguyễn Đăng.

Ngay trong giờ phút vô cùng trang nghiêm đầy tình cảm đó, tôi lập tức đứng lên trong tư thế của người họa sĩ quân nhân, xin nhận trách nhiệm và xin hứa sẽ hoàn thành nhiệm vụ đúng thời hạn cấp trên giao... Và liền sau đó, tôi được cấp ngay cho 12 mét vải trắng với một chiếc xuống con và một em nhỏ, vừa đúng tuổi tòng quân, để vừa bơi xuống, vừa tập vẽ. Em nhỏ đó tên Nga, rất ham thích môn hội họa, có khả năng vẽ bài trí sân khấu cho các kỳ lễ lớn hoặc diễn kịch v.v... Sau này trở thành nhà đạo diễn Huỳnh Nga như chúng ta đã biết.

Cầm trên tay cả 3 giấy giới thiệu, thầy trò chúng tôi dìu dắt nhau bước xuống xuống... giữa mùa nước lên mênh mông, thiên nhiên đã biến Đồng Tháp Mười trở thành biển cả... không còn biết đâu là bến, là bờ ! Trời mênh mông ! Nước cũng mênh mông !... Đúng là một cánh đồng hoang mà nhà văn nổi tiếng Nguyễn Quang Sáng đã dùng đặt tên cho một cuốn phim nổi tiếng « Cánh đồng hoang ».

Bây giờ biết đi đâu và tìm đâu cho ra địa điểm để vẽ tranh ? Ở đâu cũng đều bị ngập lụt cả, nhiều nơi nước ngập tới nóc nhà... Ngoài ra, còn một điều khó khăn khác cần phải nghĩ tới, là phải tìm một nơi nào, bảo đảm tranh Bác vẽ xong không bị máy bay bắn hỏng?... Đó là trọng tâm và trọng điểm trong việc đi tìm kiếm địa điểm vẽ tranh. Nó cũng giống như một đôi chim đi tìm nơi làm ổ... Không phải ở bất cứ cành cây nào và ở bất cứ rừng

rậm, núi cao nào cũng là nơi để cho chúng tôi có thể... «lót ỏ».., «để để» ra tranh...

Đến cái khó thứ hai là phải làm sao tìm hoặc tạo cho có chất liệu sơn dầu, để lâu không bị phai màu và sau này rủi có bị Tây ruồng bỏ, ta có thể chôn dấu dưới nước mà hình ảnh Bác Hồ không thể bị phai mờ hoặc hoen ố được. Tóm lại, muốn đạt được yêu cầu đó, nhất thiết phải có ngay chất liệu sơn dầu, bất chấp khó khăn nào, và bằng bất cứ giá nào.

Làm sao ? Và tìm đâu ? Hay là bảo em Huỳnh Nga xin giấy phép đi ra ngoài chợ Cao Lãnh, vừa mua sơn dầu, vừa mua cọ và bút vẽ. Nào dè, sau 3 ngày Nga đi, trở về tay không ! Bởi vì không có ông nào được phép cấp giấy cho Nga đi ra vùng tạm chiếm để mua bán chi cả. Đó là nguyên tắc bảo mật, phòng gian trong quân đội và cả quân khu lúc đó.

Bí quá, thầy trò tôi phải bơi xuống ra ngoài Vàm Cỏ Tây, cách trung tâm Đồng Tháp hàng chục cây số để tìm đến nhà in báo Tổ Quốc của quân khu, do đồng chí Lê Nguyên Phổ, Phó ban tuyên truyền phụ trách.

Sau khi ngồi bên nhau, tôi kể lể hết tâm tình của một người họa sĩ, muốn có điều kiện để vẽ tranh chân dung Bác, đang gặp quá nhiều khó khăn, bế tắc...để mong đồng chí Phổ hết lòng giúp đỡ thầy trò chúng tôi, ngoài chỗ ăn, chỗ ở, đặc biệt cho chúng tôi xin lấy mực in để làm thí nghiệm thay sơn vẽ.

Thú thật, gọi là nhà in nghe cho vui tai, thật ra đây là một cái bàn in lăn bằng hai tay, chỉ có loại mực đen, không có mực đỏ hay bất cứ màu nào khác. Có

chẳng là Báo Tết hoặc lễ Độc Lập mới có màu. Nay đã hết nhãn ! Đặc biệt là không có màu sơn trắng.

May sao gặp nhạc sĩ Văn Luyện, đồng chí rất nhiệt tình, vừa qua đồng chí có nhìn thấy ở một nhà quen nào đó, có hộp sơn dầu màu trắng và phải chịu khó ngồi nắn nỉ mãi, ông già mới chịu tặng không, chớ không bán, cả ba màu đen, đỏ và trắng của ông mua về để vẽ con mắt ghe. Nhưng khi nghe Văn Luyện nói mục đích mua về là để cho hoạ sĩ vẽ Bác Hồ, thì ông vô cùng phấn khởi và gửi tặng luôn cho tôi. Điều đó làm tôi xúc động, đồng thời nói lên tất cả lòng yêu kính của đồng bào Nam bộ đối với Bác Hồ của chúng ta. Có điều đáng tiếc, đó là ba hộp sơn bé tí tẹo. Khéo léo lắm thì cũng chỉ đủ vẽ được hai tấm tranh cao 1m 2 2 và rộng 8 tấc, còn lại 10 tấm nữa thì lấy sơn nào mà vẽ? Thầy trò tôi phải đành lấy mực in pha chế thành dầu sơn. Màu mực đen pha với đỏ thành nâu. tô màu áo, màu da hồng hào của Bác thì làm sao? Sau khi trao đổi ý kiến với Huỳnh Nga, chúng tôi liền bắt ra nhiều sáng kiến, có khả năng tạo được màu hồng phù hợp với màu da của Bác. Chúng tôi lập tức xuống xuống, Quỳnh Nga bơi mũi, tôi bơi lái, độ ba tiếng đồng hồ mới đến nơi mình muốn đến. Đó là ngôi đình cũ bị máy bay Pháp bắn nát, gạch ngói rơi rớt khắp nơi. Thầy trò chúng tôi chỉ còn có khom lưng mà lượm, muốn lấy bao nhiêu cũng được. Đặc biệt gạch cũ lâu ngày mềm lụng và đỏ rực như son, có thể pha trộn, trở thành màu da người rất đẹp.

Nhưng em Quỳnh Nga quay lại hỏi tôi : Vẽ tranh sơn dầu mà không có màu sơn trắng để pha màu đậm, nhạt thì làm sao vẽ được anh Hai ?». Và vừa bật cười

trước câu hỏi thông minh của em Nga, vừa trả lời, đồng thời giải thích thêm cho em hiểu là : Cả thế giới hội họa và từ xưa đến nay, chưa bao giờ có ai vẽ tranh sơn dầu mà không có màu trắng để pha trộn cho màu đậm, nhạt trong lúc vẽ tranh. Vậy mà trời sanh « Dân tộc ta, tay không dám chống giặc và đánh thắng giặc... thì đất Đồng Tháp Mười này cũng có thể để ra những tay họa sĩ vẽ sơn dầu, không có màu trắng mà vẫn thành hình ảnh Bác Hồ... mới... đánh thắng nổi thằng Tây ! » Đúng với câu : « Bàn tay ta làm nên tất cả ! Có sức người sỏi đá cũng thành cơm ! ».

Nói cụ thể và kể ra cũng là đơn giản thôi. Tôi mượn nền vải trắng sẵn có, để thay cho màu sơn trắng không thể có, là xong thôi ! Duy có mỗi một điểm khó là vẽ lông rồi, thì thôi, không bao giờ bôi xóa được ! Đó là cái khó đặc biệt thứ hai, chúng tôi đã vượt qua. Bây giờ đến cái khó thứ ba, là phải làm sao chế tạo ra được ba cây cọ vẽ sơn dầu, loại to, loại nhỏ và loại bút nhọn vẽ tóc, tia râu. Mà cọ bút vẽ màu rất mềm làm bằng lông thỏ không thể nào dùng vẽ được. Bắt buộc phải tìm lông đuôi ngựa để bó làm cọ to, râu dê làm bút nhọn, mới có thể vẽ tranh sơn dầu. Có điều, vào lúc đó, cả Đồng Tháp Mười bị ngập nước, lên cao hai, ba, bốn thước... Bơi suốt cả ba xã Nhơn Ninh, Tân Hòa, Nhơn Hòa Lập, gặp ai, chúng tôi cũng điều hỏi thăm và cho biết mình đi tìm xin mua lông đuôi ngựa và râu dê để làm bút vẽ. Nghe chúng tôi hỏi, bà con ai cũng cười :

— Ở Đồng Tháp Mười này, đâu có ai dám nuôi ngựa, nuôi dê ?.

— Hay là dê... em nhờ râu mèo ? Liệu có được hôn anh Hai ?.

Rất may là cái mẹo nhỏ râu mèo của em Huỳnh Nga lại đạt kết quả, đồng thời với dùng lòng ngỗng bó cọ, cũng thành công và thành công mỹ mãn.

Sau mấy ngày đêm làm việc vất vả, thầy trò tôi đã vẽ xong bức tranh chân dung Bác Hồ, bằng chất liệu sơn dầu tự chế tạo, đầu tiên. Chúng tôi liền mang tin vui đó từ Vàm Cỏ Tây, qua kinh Dương Văn Dương, xuyên Tháp Mười, về Thiên Hộ và kinh Nguyễn Văn Tiếp, tìm cơ quan, gặp Bảo Định Giang, Lê Nguyên Phổ và cả đồng chí Trưởng phòng chính trị khu Định Ngọc Thủy, cùng các đồng chí Mai Lộc, Khương Mễ, Huế Nhu, Sáu Tạo, Bảy Hên, Trần Thiện Thanh, Trần Thiện Liên, Phan Văn, Triệu An v.v... đang ngồi hội họp. Chợt nhìn thấy hình ảnh Bác Hồ, tất cả đều đứng lên, đồng loạt vỗ tay hoan hô, rồi chạy lại vỗ vai tôi, bắt tay Huỳnh Nga và khen ngợi. Đó là niềm vui, vô cùng phấn khởi đối với thầy trò chúng tôi, động viên chúng tôi cố gắng khắc phục mọi trở lực, khó khăn, để hoàn thành một loạt mười tám tranh sơn chân dung của Bác, trong hoàn cảnh đặc biệt có một không hai, trong giai đoạn đầu kháng chiến chống thực dân Pháp.

Sau đó, trên đường công tác, đồng chí Bảo Định Giang cùng đi với đồng chí Tư lệnh Trần Văn Trà và Chánh ủy Nguyễn Văn Vịnh ghé lại thăm nhà in báo Tỏ Quốc và nhờ em Tấn Lực dẫn các đồng chí đến thăm chỗ ở và công việc vẽ tranh Bác của thầy trò chúng tôi. Đây gọi là miếu thờ Ông Hồ, có từ thuở xưa, nằm giữa khu rừng vừa mới khai thác, rất nhiều hồ, bắt đi khá nhiều thợ rừng của chúng ta lúc đó.

Và, ý chừng cả ba đồng chí đều có theo dõi, nên đã biết qua một phần nào khó khăn, vất vả của chúng

tới trong suốt quá trình đi tìm kiếm nguyên vật liệu, để có thể vẽ được tranh Bác Hồ trong khung cảnh trời nước mênh mông của Đồng Tháp Mười giữa mùa lũ lụt... đồng chí Bảo Định Giang nói trước và sau đó đồng chí Nguyễn Văn Vịnh tiếp thêm.

— Cũng trên cánh Đồng Tháp Mười lịch sử và thiêng liêng này, vào ngày lễ Độc Lập năm 1947, nhà họa sĩ, điêu khắc Diệp Minh Châu đã tự cắt cánh tay mình lấy máu, để vẽ bức tranh Hồ Chủ tịch với ba em bé Nam Trung Bắc... Nói lên tinh thần yêu nước, truyền thống đoàn kết dân tộc và lòng kính yêu Bác của toàn dân... Bức tranh đó đã đi vào lịch sử và hành động đó cũng đã trở thành lịch sử duy nhất cả hôm nay và mai sau...

— Nhưng mà, theo tôi, không còn có gì quý giá cho bằng giọt máu hy sinh vì đại nghĩa và cho chánh nghĩa. Dầu sau những giọt máu đó, cũng còn là một chất liệu sống và sẵn có trong cơ thể con người, muốn khơi lúc nào cũng có thể có được. Ngược lại, các thứ chất liệu cần thiết, tuy không đặc biệt, nhưng đáng tiếc là anh Hoàng Tuyền không có sẵn trong tay mà cả thầy trò của anh phải đi mò mẫm, tìm gần khắp Đồng Tháp Mười đầy nước, mới có được những bức tranh chân dung Hồ Chủ tịch, xinh đẹp như hôm nay! Vậy chúng tôi xin thành thật cảm ơn họa sĩ và xin bắt tay cả thầy trò, và gọi lại, cho cả hai người một gói trà và một gói thuốc sợi vàng Cao Lãnh, để thức đêm mà vẽ tranh, bảo đảm sao cho kịp ngày 22 tháng 12 là ngày kỷ niệm thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam, để Bộ Tư lệnh Quân khu 8, kịp gửi đi xa...

Kết quả đầu tiên cuộc thử nghiệm vẽ tranh sơn

dầu, bằng cách pha chế mực in là một sự khuyến khích vô cùng quý giá đối với thầy trò chúng tôi. Cộng thêm vào đó là sự có mặt, kèm theo những lời động viên của các đồng chí lãnh đạo cấp trên, ngay từ đó, thầy trò chúng tôi làm việc bất kể ngày đêm, bên ánh sáng lò mờ của ngọn đèn dầu lửa. Và, muối ôi là muối !

Thật tội nghiệp em Huỳnh Nga, vừa đốt củi mực, vừa phun nước, vừa quạt khói để un muối, vừa ngâm nga với tôi cho đỡ buồn ngủ :

— Than ôi ! Muối đâu cho bằng muối Tháp Mười ! Muối kêu như sáo thổi !... đĩa lội lênh như... gì... gì... hả anh Hai ?...

Tôi trả lời : « Tao đâu phải là thi sĩ Nguyễn Bình mà mà... À ! Mà này ! Huỳnh Nga có nghe kể chuyện này chưa ? Hôm lễ Độc lập vừa rồi, mình có mời khách ở ngoại thành vô Tháp Mười dự lễ, kể cả khách quốc tế. Xong lễ, trước khi trở về Pháp có một anh thanh niên sinh viên quốc tế phát biểu ý kiến :

« Hiện nay các dân tộc trên thế giới đều ca ngợi dân tộc Việt Nam anh hùng chống xâm lược. Sự thật, danh dự đó, thanh niên Pháp chúng tôi cũng làm được như các anh trong suốt thời kỳ chiến tranh chống phát-xít Đức. Nhưng hôm nay nhờ có dịp đến tận Đồng Tháp, tôi mới thấy tận mắt : Các anh đã dám đứng nghiêm trang trong nhiều phút và chịu đựng cho muối cắn để chào cờ, hát Quốc ca mỗi buổi sáng là đáng phục và đủ phong anh hùng rồi, đối với chúng tôi ! »

Rồi sau đó, cũng nhờ có cái mừng tập thể của nhà in dùng để cho anh em thợ sắp chữ, in báo ban đêm mà em Tấn Lực thợ khắc con dấu và bảng gỗ lúc đó

(bây giờ là cán bộ phụ trách vẽ tranh cổ động Phòng Thông tin của Sở VHTT thành phố Hồ Chí Minh) nhiệt tình đem qua cho chúng tôi mượn tạm nên thầy trò chúng tôi làm việc tăng năng suất gấp đôi, đuổi kịp với thời gian quy định của đồng chí Bảo Định Giang và Bộ Tư lệnh, bắt buộc chúng tôi phải hoàn thành mười tranh chân dung Hồ Chủ tịch.

Bất ngờ sau đó có lệnh cấp tốc sơ tán triệt để, tránh tàu địch bắn phá ven sông Vàm Cỏ Tây, cả máy bay ném bom lửa vào ngay trung tâm Đồng Tháp Mười! Đồng thời được thư của đồng chí Bảo Định Giang thay cho lệnh của Bộ Tư lệnh bảo chúng tôi cố gắng vẽ thêm hai bức tranh nữa, để làm phần thưởng cho hai đơn vị của Quân khu vừa lập công với nhiều chiến thắng vẻ vang, trên đồng bằng Cửu Long mới vừa rồi. Ở cuối thư có ghi dòng chữ: Độ ba ngày nữa sẽ có vải trắng gửi ra cho đồng chí kịp vẽ thêm.

Vừa mới nghe tôi nói, em Huỳnh Nga đã le lưỡi, kêu trời: « Thôi, chết tôi rồi ông nội non ơi! Hết màu đỏ gạch son rồi, lấy sơn đâu mà vẽ màu da Bác? Chết Chết! Làm sao mà vẽ kịp, anh Hai?

Tôi vừa cười, vừa lo, lại vừa động viên em: « Phải biến không thành có » và « biến khó thành dễ ». Đó là phong cách và truyền thống của Vệ quốc đoàn tay không, chống giặc và hy sinh tất cả!

Thế là em Huỳnh Nga không phụ phụ lòng tôi, đồng thời chấp nhận những lời động viên thành thật và thâm tình của tôi, đã chịu khó bơi xuồng di chuyển địa điểm, lặn lội đi tìm kiếm vật liệu, tạo thành chất liệu, để tiếp tục vẽ thêm tranh. Cuối cùng, chúng tôi đã hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc, vừa tăng năng suất,

vừa vượt thời gian, để cho tất cả hình ảnh Bác Hồ được kịp thời tỏa ra trên các nẻo đường liên lạc quân sự, về đến các cơ quan và đơn vị của các Quân khu, trong đó có Ủy ban Kháng chiến hành chánh Nam bộ và Đặc khu Sài Gòn — Chợ Lớn, đúng vào hôm 22 tháng 12, ngày kỷ niệm thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam và ngày kỷ niệm toàn quốc kháng chiến 19 tháng 12 năm đó.

Rồi cũng liền sau đó, cả Đồng Tháp Mười bị máy bay địch bắn phá dữ dội. Ban tuyên truyền Khu 8 cũng chia nhau phân tán đi nhiều nơi. Thầy trò chúng tôi phải ôm tranh Bác Hồ cùng nhau sơ tán về hướng Com-pông. Rồi, nương nhờ vào đất bạn Cao Miên tiếp tục hoàn thành thêm hai tranh Bác, vừa đạt yêu cầu về màu sắc và chất lượng, vừa bảo đảm đúng mức về thời gian. Mà tranh vẫn đẹp hơn!

Chỉ còn độ mười hôm nữa thì đến Tết Nguyên Đán, đồng chí Bảo Định Giang cho liên lạc mang thơ mời chúng tôi, đúng ngày 25 âm lịch về tại cơ quan để cùng dự cuộc liên hoan đón mừng năm mới. (Địa điểm: kinh Năm Ngàn). Kèm theo lá thơ mời, có phong thư của đồng chí Đinh Ngọc Thủy gửi cho tôi.

« Đồng chí Họa sĩ Hoàng Tuyền,

Vừa rồi tôi có nhận được tấm chân dung Hồ Chủ tịch (vẽ trên giấy) của đồng chí gửi, nhờ trao lại cho đồng chí Tám nghĩa, Chủ tịch xã Tân Hòa làm kỷ niệm, nơi cư mang nhiều hy sinh gian khổ với Vệ quốc đoàn.

Việc làm đó là hoàn toàn tốt đẹp và rất đáng khuyến khích. Duy có điều, vị trí trụ sở của xã quá hạn

hợp, chưa hội tụ đủ điều kiện để quần chúng thường thức so với văn phòng làm việc và tiếp khách của tôi, là : nơi hội tụ đủ các thành phần, từ xa đến gần, mỗi lần có dịp đi qua Quân khu đều được nhìn thấy Bác, vị Cha già dân tộc vô cùng yêu kính của đồng bào miền Nam.

Tôi xin hứa sẽ cho tìm bức chân dung khác của Bác để làm kỷ niệm cho xã, đồng thời đây cũng là một tặng phẩm quý giá đối với bà con nông dân Đồng Tháp trong dịp Tết năm nay ».

Ký tên : Đinh Ngọc Thủy

Và đúng ngày mùng 2 Tết năm đó, hầu hết chúng tôi, cả nhân dân Đồng Tháp Mười đều ăn Tết ở dưới hầm núp ! Trong nhà, mâm cơm cúng ông bà trên bàn thờ, bị máy bay Pháp bắn rơi xuống đất, tan ra từng mảnh, văng tung tóe khắp nhà ! Bất ngờ, sau đó một lúc, có cô Sơn, con gái chủ nhà chạy vội ra vớt phong thơ đã mở rồi xuống hầm núp cho tôi xem :

Thơ đề gửi Bộ Tư lệnh Khu 8

« Tôi cùng với phái đoàn Nam bộ, đi họp hội nghị ngoài Trung ương mới về tới. Trong và sau hội nghị, chúng tôi được nhiều lần gặp, ngồi bên cạnh Bác Hồ và nhìn thấy Bác khỏe mạnh, vui tươi...

Trên đường về, đi ngang qua các vùng giải phóng, từ núi rừng Việt Bắc, đến Khu 5 cho đến khi về tới miền Đông Nam bộ, đi đến đâu, phái đoàn chúng tôi cũng được chánh quyền và đồng bào địa phương tổ chức mít-tinh chào mừng và đón tiếp long trọng. Trong các buổi lễ trọng thể đó đều có vẽ ảnh Hồ Chủ tịch to, đẹp và đặt trên cao... Nhưng thú thật, tôi chưa hề nhìn

thấy ở đâu vẽ hình ảnh Bác Hồ tươi đẹp và giống Bác như trong bức vẽ này, cho nên tôi đã cho đóng khuôn đề lồng tranh chân dung Bác và đặt tại văn phòng ngay trước mặt tôi, để hằng ngày tôi được luôn luôn nhìn thấy Bác, tưởng như Bác đang ngồi trước mặt mình...

« Rất cảm ơn... »

Ký tên : PHẠM NGỌC THẠCH

Chủ tịch

Ủy ban Kháng chiến hành chánh

Đặc khu Sài Gòn — Chợ Lớn

Hôm nay, do yêu cầu lịch sử, tôi ngồi ghi lại những tâm tư của một họa sĩ. Vừa suy nghĩ, vừa ngậm ngùi tưởng nhớ và có những lúc tôi ngồi thần thờ hằng giờ không viết thêm được một chữ nào nữa... Vì bao nhiêu hình ảnh đồng chí, đồng bào và đồng đội, những người mà tôi vừa nhớ, nhắc lại trong bài này, đến nay có nhiều người đã dưng cảm hy sinh ngoài chiến trường, số còn lại, nay đã già yếu, hoặc đang sống trong những ngày dài của ốm đau, bệnh tật. Nhưng tôi rất cảm ơn những đồng chí, anh em đó, đã bỏ ít nhiều thời gian nhắc nhở, động viên tôi cầm bút. Chính nhờ lần cầm bút này mà tôi được sống lại những giờ phút thiêng liêng, ấm áp, đầy ý nghĩa và tình người của những ngày kháng chiến ở chiến khu Đồng Tháp, tuy đầy khó khăn, gian khổ, nhưng là những năm tháng vinh quang và trong sáng nhất hơn bất cứ lúc nào, giữa tình đồng chí, đồng bào, biết yêu thương nhau và hết lòng đùm bọc, sẵn sàng chia cơm, sẻ áo cho nhau. Ngoài ra, đối với tôi, Đồng Tháp Mười, trong những tháng năm đầy khó khăn, thử thách đó, đã trở thành

một trường học vĩ đại, mãi mãi không phai mờ, trong trí nhớ, tình cảm của tôi : đã dạy tôi biết sống để làm người, làm một con người, đúng với ý nghĩa của một con người là : Sống cho Tổ Quốc, vì Đảng và vì nhân dân, quên mình ! Chớ không phải vì mình... quên nhân dân.

Xa Đồng Tháp Mười, tính ra đã gần 40 năm qua, mà chưa có dịp nào được trở về thăm Đồng Tháp, thăm đồng chí và đồng bào với tấm lòng biết ơn, với tình cảm đền ơn, đáp nghĩa của riêng cá nhân tôi. Vậy tôi xin kính dâng bài viết này và thông qua hình ảnh Bác để nói lên phần nào tình cảm « không bao giờ quên Đồng Tháp, đồng bào và đồng chí của tôi », mà tất cả bao nhiêu hình ảnh đó, sẽ còn in đậm mãi trong trái tim tôi cho đến suốt đời !

Họa sĩ **HOÀNG TUYỀN**

BÁC HỒ KÍNH YÊU MÃI MÃI TRONG TÂM HỒN TÔI

Đầu năm 1960, sung sướng bất ngờ đưa đến làm cho lòng tôi xúc động náo nức đến rơi nước mắt : Chúng tôi 46 sĩ quan các binh chủng thuộc sư đoàn 330 và 338, được Trung ương chọn phân công về chiến đấu ở miền Nam.

Thời gian tập kết ra miền Bắc, mỗi người chúng tôi đều được gặp Bác Hồ ít nhất một lần. Trong ba tháng học tập và bồi dưỡng sức khỏe chuẩn bị lên đường, thỉnh thoảng chúng tôi được gặp các đồng chí Lê Duẩn, Phạm Hùng... đến thăm hỏi, chăm sóc ân cần mọi mặt. Mỗi lần gặp các đồng chí Trung ương, chúng tôi đều đề đạt nguyện vọng thiết tha của mình là gặp mặt thăm Bác trước khi đi. Tình cảm và nguyện vọng chính đáng ấy được chấp thuận.

Chiều ngày 3-6-1960, tất cả chúng tôi mặc thường phục, xe đưa đến câu lạc bộ quân đội (Hà Nội) dự tiệc với các đồng chí Trung ương Đảng Phạm Hùng, Lê Đức Thọ, Ung Văn Khiêm và nhiều đồng chí khác... Hầu hết là những thức ăn đặc sản Nam bộ, thích hợp khẩu vị. Chúng tôi ăn ngon lành trong không khí vui vẻ thân mật ; chúc sức khỏe cho nhau và chúc thành công trong nhiệm vụ. Suốt thời gian vào tiệc, chúng tôi khẩn khoản mong đợi sẽ gặp Bác.

18 giờ 30, ở hành lang cầu lạc bộ quân đội bỗng xôn xao hẳn lên và có tiếng reo : « Bác đến ! Bác đến ! ». Chúng tôi đổ xô ra cửa làm nghẽn lối. Các đồng chí bảo vệ vất vả lắm mới mở được lối đi cho Bác. Tôi rất hân hạnh được nắm tay cùng Bác đi vào. Hơi ấm của bàn tay Bác chuyển vào người tôi để mang về cho đồng bào miền Nam ruột thịt tình thương vô bờ bến của Người.

Bác Hồ ăn mặc giản dị nhưng rất chỉnh tề, tác phong nhanh nhẹn, giọng nói ôn tồn. Bác đứng chia từng chùm trái nhãn của nhân dân Hưng Yên biếu Bác. Chúng tôi giành nhau nhắc ghế đến ngồi cạnh Bác. Các đồng chí bảo vệ ngăn cản không cho vì đó là nguyên tắc. Thấy vậy, Bác bảo các đồng chí bảo vệ để cho các chú miền Nam đến gần Bác. Thật cảm động trước cử chỉ thân thương của Người đối với chúng tôi—những người con của « Nam bộ Thành Đồng ».

30 phút đứng giữa đàn con sắp chia tay đi xa lên đường làm nhiệm vụ của Đảng và nhân dân giao cho, với mảnh giấy nhỏ có ghi mấy dòng viết chì xanh đỏ, Bác ôn tồn dặn dò chúng tôi. Bác nói : « Cách mạng Tháng 8 năm 1945, Đảng ta có 5.000 đảng viên, đã lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa cướp chính quyền trên tay phát xít Nhật và thực dân Pháp. Ngày nay, ta có hàng chục vạn đảng viên, có hậu phương lớn miền Bắc, có đồng bào miền Nam anh dũng tuyệt vời, có các nước xã hội chủ nghĩa, anh em và bầu bạn khắp năm châu ủng hộ, thì nhất định cuộc cách mạng giải phóng miền Nam thắng lợi ». Bác nhắc nhở : « Các chú phải phấn đấu vượt khó khăn gian khổ, đoàn kết chặt chẽ với các đồng chí miền Nam ; giữ gìn tổ chức kỷ luật thật tốt, cảnh giác trước kẻ thù... và chuyển lời Bác thăm hỏi đồng bào, đồng

chí miền Nam ». Những lời dạy chân tình đã khắc sâu vào lòng mỗi người chúng tôi. Cuộc họp mặt lịch sử này ai ngờ lại là lần cuối cùng chúng tôi vĩnh biệt Bác.

Đêm xuất phát, chúng tôi không tài nào ngủ được, đầu óc cứ hiện lên hình ảnh Bác Hồ kính mến, nhớ lại những lời dạy dỗ của Người... 4 giờ ngày 4-6-1960 chúng tôi khởi hành.

Theo dọc dãy Trường Sơn từ Quảng Trị hướng thẳng về phía Nam theo chỉ thị của Trung ương Đảng và Bác, chín tháng ròng, với đoạn đường hàng ngàn cây số, đoàn chúng tôi vượt núi băng rừng, vừa mở đường, vừa hành quân. Núi non hiểm trở, địch ngăn đường chặn lối, đói rét bệnh tật, thú dữ... không làm sờn lòng những người cộng sản, người chiến sĩ quân đội nhân dân, những người con thân yêu của Thành đồng Tổ quốc. Mỗi lúc khó khăn chúng tôi lại nhớ đến Bác, ôn lại những lời dặn dò của Trung ương, của Bác, nung đúc thêm tinh thần quyết tâm, ý thức trách nhiệm; càng thương yêu đồng bào miền Nam, càng căm thù bọn Mỹ nguy, đập bằng mọi trở ngại, hướng thẳng về phía trước tiến lên.

Có lần điện đài của đoàn đang phát đi nửa chừng bức điện báo cáo về Trung ương bị hỏng, không liên lạc được một thời gian. Giữa rừng, không có phụ tùng thay thế sửa chữa chúng tôi bàn với nhau tình hình này chắc chắn Trung ương và Bác lo lắng nhiều, phải nhanh chóng tranh thủ ngày đêm đi đến tìm Khu ủy khu 5 để được giúp đỡ sửa chữa và liên lạc báo cáo về Bác. Đoàn chúng tôi nhất trí và thực hiện theo cách đó.

Quả thật, khi điện đài hoạt động trở lại, Trung ương, Bác rất vui mừng và chúng tôi phấn khởi hàng ngày

được báo cáo tình hình về Trung ương và nhận chỉ thị của Trung ương, của Bác.

Nhiệm vụ của đoàn chúng tôi phải đi về đến Nam bộ. Nhưng đến địa phận tỉnh Gia Lai thì nghẽn đường. Được chỉ thị của Trung ương đoàn chúng tôi phân tán đến các địa phương tham gia xây dựng lực lượng võ trang. Các đồng chí Gia Lai niềm nở đón tiếp chúng tôi như người thân đìxa về. Chúng tôi bắt tay ngay vào công việc, cùng với các đồng chí Gia Lai xây dựng, huấn luyện một số đơn vị võ trang. Chẳng bao lâu đường về Nam được mở, đoàn chúng tôi tiếp tục lên đường.

Tháng 02-1961, chúng tôi đến báo cáo với Trung ương cục miền Nam đã đến nơi gồm 42 sĩ quan có mặt, một trung úy hy sinh (đồng chí Nhiều quê ở Tiền Giang) bị sốt rét ác tính chôn cất ở Thừa Thiên, ba đồng chí bị tai nạn dọc đường phải đưa trở ra điều trị. Được tin đoàn đến nơi, Trung ương và Bác rất vui mừng gọi điện thăm hỏi, khen ngợi động viên.

Đường lối đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh võ trang đã rõ ràng, Yêu cầu xây dựng lực lượng võ trang lúc bấy giờ hết sức cấp bách. Chúng tôi được phân công đi khắp các chiến trường : Y 1 (khu 7), Y 2 (khu 8), Y 3 (khu 9). Tôi được phân công về khu 8, chiến trường quen thuộc trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, nhận nhiệm vụ Giám đốc trường Quân chính Quân khu 8, mở lớp bổ túc và đào tạo cán bộ Đại đội.

Yêu cầu nội dung huấn luyện nhiều thứ phức tạp, phải hoàn thành trong 100 ngày. Chúng tôi không có một quyển tài liệu nào cả, chỉ có hai bàn tay và khối óc. Cơ sở vật chất cũng không có trường. Được khu

ủy quyết định xây dựng trường tại trấp Rừng Rình là một cánh đồng hoang sinh lầy giữa Kiến Tường và Long An giáp với biên giới Cam-pu-chia. Nhận nhiệm vụ của khu ủy giao chúng tôi mang theo 10.000đ (tiền miền Nam) đi xây dựng trường Quân chính Quân khu 8.

Chúng tôi thấy yêu cầu nhiệm vụ quá sức tưởng tượng, khó khăn chồng chất. Trao đổi, bàn bạc có lúc dường như bế tắc. Nhưng những giờ phút ấy, hình ảnh của Bác lại hiện ra trong tâm trí tôi, với những lời dặn dò của Trung ương Đảng, của Bác : « Các chú phải là những cán bộ nòng cốt, đào tạo thật nhiều cán bộ khác phục vụ yêu cầu xây dựng phát triển lực lượng vũ trang miền Nam. Khó khăn gian khổ và phức tạp nhưng Trung ương Đảng và Bác tin tưởng ở các chú. Đồng bào miền Nam đang mong đợi các chú ». Như có thêm sức mạnh thần kỳ, chúng tôi tiếp tục tiến lên trong trận chiến đấu này.

Ngày 10-7-1961, Trường Quân chính Quân khu 8 khai giảng khóa huấn luyện bổ túc và đào tạo cán bộ đại đội đầu tiên, có 79 học viên. Khóa huấn luyện đầu tiên được an toàn và thành công tốt đẹp, được khu ủy khen ngợi. Học viên phấn khởi quyết tâm và tin tưởng tràn đầy, hứa hẹn trở về đơn vị chiến đấu thật tốt.

Tình hình chiến tranh phát triển ngày càng ác liệt, trường phải thay đổi phương châm, phương thức hoạt động nhưng vẫn liên tục huấn luyện đào tạo trên 2.000 cán bộ, phục vụ yêu cầu xây dựng phát triển và chiến đấu của các lực lượng vũ trang quân khu.

Riêng tôi sau 18 năm phục vụ trong quân đội, là thương binh hạng 1/4, được Đảng và Nhà nước giải quyết chính sách nghỉ hưu. Mặc dù không còn phục vụ trong hàng ngũ quân đội, nhưng hình ảnh Bác vẫn mãi mãi trong tâm hồn tôi, đã và đang vạch đường chỉ lối cho tôi suốt đời phấn đấu cho lý tưởng cộng sản chủ nghĩa đến giây phút sau cùng.

PHẠM LONG QUAN

Trung tá QĐND về hưu



LỄ TRUY ĐIỀU BÁC Ở TỈNH NHÀ

Giữa trưa 4-9-1989, chiếc máy bay trinh sát L.19 bay dọc theo kinh Nguyễn Văn Tiếp B, đảo tới đảo lui, phát mỗi cái tin Bác Hồ chúng ta vừa qua đời. Lời lẽ, câu chữ và giọng đọc của thằng đọc trên máy cũng không dám xác xược, trích thượng.

Lát sau, đài minh ngữ nhận được điện của LPA (tổng xã) báo tin Bác Hồ từ trần lúc 9 giờ 47 phút. Nhận điện xong, Vũ Phong mặt biến sắc cầm đến đưa tôi. Chúng tôi chết lặng hồi lâu. Anh em trong tiểu ban thông tấn báo chí được mời hết họp lại dưới bụi tầm vông, sau vườn nhà anh Hai Tre. Tôi bật khóc nức nở khi báo tin này cho anh em biết. Nổi đau đến đột ngột quá ! Trên chưa có hướng dẫn gì xung quanh việc Bác mất. Chúng tôi phân công người mở radio theo dõi chặt đài phát thanh tiếng nói Việt Nam, một mặt cho anh em đề tang Bác. Chưa biết cách đề tang ra sao, chúng tôi tạm thời cắt mỗi người một miếng vải trắng bằng ngón tay cái, may vô ngực áo bên trái. Phần tôi, chờ chiều (thời kỳ đó ban ngày không thể đi lại với nhau vì địch thường đánh phá bất ngờ) sẽ bơi xuống qua thường trực Tỉnh ủy (đóng ở Xẻo Quýt) để xin ý kiến chỉ đạo.

Chiều, cơm nước xong, tôi xuống xuống bơi đi. Gặp ai, câu nói đầu tiên cho nhau cũng là : Bác Hồ chết rồi !

Thường trực Tỉnh ủy lúc này do anh Tám Mai trực nhưng anh lại vừa trực cho Tỉnh đội. Hôm ấy anh đang ở Ban quân sự tỉnh, đóng ở kinh Ba Mỹ Điền, cách Xẻo Quít cỡ 8 cây số. Văn phòng Tỉnh ủy cho một máy đuôi tôm đưa tôi qua kinh Ba gặp anh Tám Mai đề xin ý.

Quá chín giờ đêm xuống tới Kinh Ba. Phải tắt máy, bơi lượn trong tràm một hồi mới tới chỗ anh Tám Mai. Đó là mấy tấm vạc tre kê là đà trên mặt nước, hiện lòm dưới ngọn đèn dầu lửa. Anh Tám Mai bận rộn trao đổi, chỉ đạo công việc với các anh quân sự từ các nơi tới. Tiếng xuống chạm vào cây, tiếng tắt nước... lộp cộp, xàn xạt, hời hả, tắt bật. Chờ giải quyết xong công việc quân sự, anh Tám Mai tiếp việc với tôi. Tôi báo cáo hết anh nghe những tin tức, thông báo... mà chúng tôi theo dõi được qua đài chung quanh việc Bác mất. Gương mặt anh Tám Mai trầm xuống. Các vết nhăn trên trán như những lượng sóng vồng lên. Anh chăm chú lắng nghe, rồi vẫn cái nhìn chăm chăm vào ngọn đèn, anh chỉ đạo tôi trở về bảo văn phòng Tỉnh ủy làm thơ mời đại diện các ngành tỉnh, tối ngày 6 tháng 9 đến Thường trực Tỉnh ủy họp đề bàn việc tổ chức lễ truy điệu Bác. Một mặt thông báo đến các cơ quan cấp tỉnh, các Huyện ủy phải chú ý làm tốt công tác tư tưởng, đừng để có ai diễn biến xấu tư tưởng, hoang mang qua tin Bác mất. Anh dự kiến đêm mùng 9 tháng 9 sẽ cử hành lễ truy điệu của tỉnh. Từng huyện, cử hành lễ truy điệu riêng ở huyện mình.

Tôi trở về Xẻo Quít, báo lại các ý chỉ đạo của anh Tám Mai với các đồng văn phòng Tỉnh ủy rồi lấy xuống bơi về kinh Nguyễn Văn Tiếp B. Tôi nơi hơn ba giờ sáng.

Đêm mừng 6—9, cuộc họp ở Thường trực Tỉnh ủy trầm lắng khác thường. Không ai cười, không ai muốn nói lớn tiếng. Sau khi điều khiển mọi người dự họp dành một phút tưởng niệm Bác Hồ, anh Tám Mai khai mạc hội nghị. Hội nghị nghe báo cáo tình hình ta, địch ở tỉnh nhà từ ngày Bác mất, nghe hướng dẫn của Ban chấp hành Trung ương Đảng và Ban lễ tang Trung ương về việc cả nước đề tang và truy điệu Bác. Anh Tám Mai vạch ra phương án tổ chức lễ truy điệu Bác ở tỉnh. Các đại biểu bàn bạc, góp ý và cuối cùng thống nhất :

Tỉnh sẽ cử hành lễ vào 7 giờ đêm mừng 9-9-1969. Địa điểm làm lễ ở bờ phía bắc kinh Hội đồng Trường, trên ngã Xẻo Quít một đồi. Các cơ quan cấp tỉnh và huyện Kiến Văn cùng đến dự. Tiểu đoàn 502 cũng về dự. Ban tổ chức buổi lễ gồm có đại diện Đảng Nhân dân cách mạng tỉnh, Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh, Ủy ban Nhân dân cách mạng tỉnh, Ban Quân sự, Ban An Ninh, các đoàn thể và một số ngành có liên quan như Ban Tuyên huấn... Sau đó, phân công ai lo diêm, ai lo làm tràng hoa, dựng bàn thờ, dựng đài liệt sĩ, ai điều khiển chương trình v.v... Văn phòng Tỉnh ủy được giao may băng tang, màu và kích thước theo trên hướng dẫn, để phân phát cho người dự đeo vào ngực ở lễ truy điệu. Phần Ban Tuyên huấn được phân công các việc : lo bức chân dung Bác, hai câu liễn treo cặp hai bên chân dung. Cắt tấm băng lớn vải đen chữ trắng : Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cắt hai khẩu hiệu trên nền đỏ chữ trắng căng hai bên lễ đài. Viết trên nền giấy trắng chữ Tô quốc ghi công đề phất lên khung đài liệt sĩ. Làm khung đài liệt sĩ. Chụp ảnh buổi lễ. Viết tin, bài đăng báo...

Hội nghị bế mạc lúc trời đã khuya. Trở về, chúng tôi phân công nhau thực hiện những việc được giao. Có những công việc đơn giản nhưng trong hoàn cảnh

chiến tranh lại là khó. Chẳng hạn vẽ chân dung Bác, kẻ khẩu hiệu, dán băng... cần có một diện tích bằng phẳng nhứt định, nhưng cảnh ở lùm, ở liếp gồ ghề, làm gì có bàn, có ván. Tôi liều mạng giữa ban ngày ra nhà bác Hai Hòn cất ở ngoài đồng, cách giang cây 500 thước để vẽ. Vì nhà có bộ ván ngựa. Nói liều mạng vì thời kỳ này địch dùng trực thăng đánh bất ngờ lu bù, mỗi ngày hoặc hai ba ngày tới đánh một trận. Có ngày hai ba trận. Từ sáng sớm cho đến chiều tối, anh em phải bám giang cây, bám công sự. Giữa cơ quan này đến cơ quan nọ cũng không đi lại ban ngày. Vì ai cũng bố trí lựu đạn gài xung quanh điểm ở. Đến chiều, chúng tôi mới ra các nhà bà con ở ngoài đồng nấu cơm ăn và ngủ đêm.

Trưa ngày 9-9-69, tôi đang bày giấy, viết, màu... ra bộ ngựa để vẽ thì có tiếng máy bay trực thăng từ hướng Vĩnh Long qua. Tôi cuộn nhanh giấy, gom viết, mấy chén màu chạy ra sân, cặp hàng trăm bầu chạy riết ra giang cây, nhưng mới vài chục thước thì hai con « cá nóc » đã rè rẹ trên đọt cây cặp theo kinh Cỏ Cò dài qua ngã tư Thanh Mỹ. Chạy không kịp chúng nó, tôi nhét giấy, mấy chén màu vô cốp rồi trăm mình xuống nương. Chúng nó đảo qua, đảo lại và chờ khi nó bung ra ngã tư, tôi vội vàng leo lên lấy cuộn giấy, mấy chén màu, chạy miết ra giang cây. Vừa tới giang cây thì chúng nó trở lại. Tôi vừa thở, vừa hụp xuống công sự yên chí, bây giờ tụi mày muốn làm gì thì làm. Chúng nó rà rà, lết lết lui ném lựu đạn phùm phùm, cho tới mặt trời gần lặn mới chịu rút về. Đám ôn dịch đó đã nuốt của chúng tôi quá nhiều thời gian quý báu. Anh em vội vã lo cơm nước và xúm nhau phụ các việc còn lơ dờ cho xong để mang đến điểm làm lễ.

Xuống xuống, bơi thẳng cánh, dù vậy chúng tôi tới nơi đã bảy giờ đêm. Hai cái đèn măng sông được thắp lên. Mọi người tắt bật lo dựng lễ đài, treo băng, dựng bàn

thờ Người đến dự khá đông, lần lượt cho xuống cặp bến. Tiểu đoàn 502 đã xếp thành đội ngũ nghiêm chỉnh trước lễ đài. Đề bàn thờ Bác có được bộ lư cho đúng về cái bàn thờ, các đồng chí cơ quan chánh quyền tỉnh phải bơi xuống ra tận chùa Tổ Bình Hàng Trung mượn bộ lư, chum đèn.

Đến chín giờ mọi việc xong xuôi, buổi lễ cử hành. Đồng chí Huỳnh Văn Bảy (Tư Tây) đọc tuyên bố lý do và điều khiển chương trình. Đồng chí Nguyễn Văn Bàng (Mười Kiếng) đọc diếu văn. Đồng chí Tám Mai đọc di chúc của Bác. Hàng mấy trăm con người im phăng phắc lắng nghe. Đến lễ tưởng niệm Bác, nhang được đốt thêm cắm lên bàn thờ. Hai đồng chí Nguyễn Văn Bàng và Huỳnh Văn Bảy nâng tràng hoa, dẫn đầu đoàn đại diện các ngành đến đặt trước đài liệt sĩ. Phút mặc niệm bắt đầu. Mắt Bác, nỗi đau thương và mắt mát to lớn quá! Hy vọng đến ngày hoàn toàn chiến thắng, quân dân tỉnh nhà rước Bác vào thăm đã không còn nữa! Bác mất đi giữa lúc cuộc chiến tranh diễn ra vô cùng ác liệt, cách mạng gặp khó khăn, ít nhiều tác động đến lòng người. Kẻ thù mấy ngày nay tỏ ra hí hửng, chúng tin rằng Bác Hồ chết cách mạng không người cầm lái, sẽ bị nghiêng ngả, đắm chìm. Nhưng chúng đã lầm. Ở ngay tại cuộc lễ truy điệu này, đầm đìa nước mắt thật, tim lòng thồn thức thật vì đau đớn quá, nhưng khi đồng chí Tám Mai đọc hạ quyết tâm, thề trước hương hồn Bác, quân dân Kiến Phong biến đau thương thành sức mạnh, tấn công địch mạnh mẽ hơn, xây dựng phát triển lực lượng cách mạng, «đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào», thực hiện bằng được lời di chúc thiêng liêng của Bác, thì tất cả mọi người đồng gác gươm tay: Xin thề!

Lễ truy điệu kết thúc. Mọi người trật tự ra về. Nỗi thương nhớ Bác nặng nề bao nhiêu càng nung đốt ý chí chiến đấu nóng đỏ bấy nhiêu. Trời đêm nhưng đầy sao và đã bước qua ngày mới...

NGUYỄN ĐẮC HIỀN

LỜI THỀ NĂM ẤY

— Đó ! Nó chạy đó !

Tiếng la hét của bọn dân vệ xã Mỹ Trà (Thị xã Kiến Phong) do tên ủy viên cảnh sát xã chỉ huy, đi ruộng bố, từ ngọn Rạch B kéo ra. Chúng la khơi vạy chớ thực ra không có ai chạy cả. Đạo ấy, mùa nước 1956, nước đã bắt đầu rút ; lúa mùa ngoài đồng sắp trở. Hai bên bờ rạch vừa khô ráo, cầu đã bắt lại nên bọn lính hành quân bộ. Lực lượng chúng khoảng 1 trung đội. Chúng đi đội hình hàng dọc, chiều dài hơn 100 mét. Nghe tiếng la của tên chỉ huy, tất cả bọn lính tấp ngang vô vườn lục soát. Chúng không tìm thấy gì lạ ngoài chiếc xuồng cui đậu sau nhà của một gia đình cơ sở cách mạng. Xuồng có cà rèm, lưới giăng cá rô, 1 con trích cà ràn, nồi chén... theo kiểu « đồ nghề » của nông dân đi đồng làm câu lưới.

Xóm đó có 9—10 nhà cất gần nhau. Bọn lính vô hỏi chị chủ nhà : « Xuồng của ai ? ». Chị trả lời : « Không biết ? ». Chúng chửi thề và đánh chị chủ nhà. Một tốp 4—5 tên lính ập vô nhà lục lạo tứ tung, vẫn không tìm được gì. Hai tên lính vô lục trong kẹt bộ lúa. Lúc ấy khoảng 4 giờ chiều, nhưng nhà ở miệt vườn nên trời hơi tối. Chúng lấy đèn ống khói đốt lên, soi 2 bên kẹt bộ lúa, cũng không thấy gì. Bọn lính tức tối, chửi bới om sòm và hành hung chị chủ nhà.

Trời sắp tối, tên cảnh sát bắt ông Đ, chủ ấp (là

người của cơ sở ta) bơi chiếc xuồng ấy ra bót, còn bọn lính kéo đi bộ về bót Mỹ Trà.

Sự việc đầu có giản đơn vậy. Lúc ấy tôi đang ở trong kẹt bồ lúa, dường như có phép « thôi miên », bọn lính lục soát và đốt cả đèn soi giữa ban ngày mà vẫn không phát hiện ra !

Cơ quan Khu ủy Khu 8 đang đóng trong Đồng Tháp Mười thuộc hậu của huyện Thanh Bình tỉnh Kiến Phong (nay Đồng Tháp). Cơ quan phân công tôi về xã Mỹ Trà để gặp cơ sở, thanh toán tiền hùn tự túc cho cơ quan. Từ vùng căn cứ đi ra vùng ven thị xã, phải đi ngang qua các đồn : Nhà Hay, Cỏ Đức (xã Phong Mỹ), Thống Linh (xã Mỹ Ngãi).. nên tôi nguy trang, giả nông dân đi làm câu lưới như bao người nông dân khác ; cũng mặc áo vá, đội nón lá, bơi xuồng đi ngang đồn bót « tỉnh bơ », bọn lính không chút gì nghi ngờ. Trong túi tôi cũng có giấy tờ « hợp pháp » (giấy căn cước giả).

Tôi bơi xuồng, đi tắt từ ngoài ruộng vô và ghé phía sau nhà của một gia đình cơ sở. Vừa ghé được chừng 40 phút, đang cùng gia đình ăn cơm chiều, bỗng thấy bọn lính kéo ngang. Tốp đi đầu đã qua khỏi nhà tôi đang ở 30—40 mét, thì có tiếng la của bọn đi giữa, nên chúng tấp ngang lục soát. Tôi nghĩ : mình lạ, giấy tờ ở xa (tỉnh Mỹ Tho) và là giấy giả, dễ bị chúng tình nghi. Khi thấy bọn lính la ó ; lúc đó ngoài đường lính, sau vườn lính, tôi chỉ còn cách là bước tránh vô trong cánh cửa. Chúng phát hiện chiếc xuồng lạ và vô nhà khám xét. Túng thế, tôi phải rút vô kẹt bồ lúa. Nhờ thân hình nhỏ nhắn, tôi cố « thu hình » ngồi thật gọn trong kẹt bồ lúa. Ánh sáng của đèn

dầu phất ngang qua mấy ngón chân của tôi, 2 tên lính soi đi soi lại hai ba lần vẫn không thấy tôi (nếu chúng trèo lên từ trên bờ lúa nhìn xuống chắc là tôi khó thoát khỏi!).

Mỗi lần nhớ lại sự kiện này, tôi hết sức biết ơn nhân dân và cơ sở, đã đùm bọc chở che. Lúc ấy, tôi hết sức bình tĩnh, chuẩn bị sẵn lý lẽ để đối phó với chúng, phải giữ tiết tháo của người cán bộ cách mạng, người đảng viên Cộng Sản, bảo vệ cho được tổ chức và cơ sở cách mạng.

Trong chiếc xuồng, tôi có làm « bửng đôi » để cất đồ, trên có then dây lại, khóa đinh. Hôm đó, tôi để 1 cái bóp, trong có mấy tấm ảnh chụp để làm giấy giả, tôi chưa kịp khóa đinh lại.

Bọn lính đã rút hết về bót. Xuồng và đồ đạc nguy trang của tôi đã mất hết, làm sao trở về căn cứ? Trời nhá nhem tối, tôi phải nhanh chóng rời khỏi nơi đây, để phòng chúng quay trở lại. Đêm ấy, cơ sở đã đưa tôi đến nghỉ tạm ở một gia đình cơ sở cách đó 3 km. Sáng sớm hôm sau, 2 người phụ nữ (chị Hai và 1 cô gái) là cơ sở cách mạng đã tổ chức đưa tôi về vùng căn cứ. Lợi dụng lúc chợ đông, xuồng tôi đi ngang đồn, bọn lính không để ý. Tôi đã về đến căn cứ an toàn và báo cáo lại với tổ chức.

Mỹ Trà là nơi chôn nhau cắt rốn của tôi. Chuyển đi này để liên hệ địa phương giải quyết công việc của cơ quan, nhưng sự việc không may lại xảy ra, tôi suýt bị địch bắt. Đây là một bài học nhớ đời đối với bản thân tôi. Trong nhật ký của mình, tôi đã ghi chữ đậm: « Đất nước không độc lập, thì không trở lại! ». Lời khắc

ghi ấy để nhắc nhở mình : dù khó khăn gian khổ đến đâu, vẫn luôn nhìn thẳng phía trước mà đi tới !

Băng đi 19 năm (từ 11/1956 đến 5/1975), cơ quan Khu ủy Khu 8 di chuyển căn cứ ở nhiều nơi, nhiều tỉnh. Mãi đến sau miền Nam được hoàn toàn giải phóng (30-4-1975), tôi mới có dịp trở lại Mỹ Trà thăm mẹ, thăm bà con thân yêu. Mẹ tôi đang bệnh, nghe tôi về, nỗi mừng vui hiện lên, bệnh mẹ tôi đã thuyên giảm rất nhiều.

Tháng 3/1976, tỉnh Đồng Tháp hợp nhất bởi 2 tỉnh Sađéc và Long Châu Tiền. Ngày tôi mới về nhận nhiệm vụ Chánh văn phòng Tỉnh ủy Đồng Tháp, các đồng chí bên Ty Công an đưa cho tôi một tấm ảnh 4x6 : 1 thanh niên mặc áo sơ-mi trắng, ngắn tay. Tấm ảnh này bọn lính lấy được trong chiếc bóp để ở «học đòi» trong chiếc xuồng. Chúng đưa về lưu giữ tại Tòa hành chánh tỉnh Sađéc (1). Phía sau tấm ảnh, chúng ghi bằng bút chì «thằng nào đây ? ». Nhìn tấm ảnh của tôi với dòng chữ của chúng, tôi mỉm cười. Chúng có biết đâu rằng sự đổi đời của cách mạng !

Lời thề tâm huyết năm xưa của một người con quê hương Cao Lãnh-Dồng Tháp... đã trở thành sự thật.

2-1991

LÊ QUANG VŨ

(1) Cơ quan làm việc của UBND Tỉnh (1976-1990), nay UBND Thị xã Sađéc.

NHỚ LẠI CUỘC HÀNH QUÂN TRONG CƠN BÃO

11-11-1956—sự trùng hợp của 3 con số 11 (ngày 11, tháng 11 năm 56—bạn tôi nói vui 5 + 6 cũng là 11) làm cho cuộc hành quân năm ấy trở thành một kỷ niệm khó quên.

Cánh đồng Thanh Bình mới ngày nào nước ngập mênh mông, nay đã giụt gần một thước. Lúa mùa nổi, lúa trời và cỏ ngả xuôi theo chiều gió. Đồng trống trơn, gió mùa Đông Bắc thổi lạnh thấu xương. Đến mùa này cán bộ và nhân dân bớt lo địch «đột kích» ban đêm. Chúng muốn hành quân bằng xuồng, phải đi theo kinh chứ không thể đi tràn lan như lúc nước đang dâng cao.

Mùa nước 1956, cơ quan Khu ủy Khu 8 và Tỉnh ủy Kiến Phong ở phân tán trong nhà dân. Ăn ở hoạt động «bán công khai», hợp pháp với dân quen trong xóm, tránh người lạ. Mỗi cán bộ có xuồng, ngựa trang làm câu lurei. Cơ quan ở xen kẽ với lực lượng vũ trang do ta tổ chức—với danh nghĩa «bộ đội giáo phái» (1). Bố trí thành thế liên hoàn giữa các tuyến kinh, hậu của các xã Bình Thành, Tân Phú (Thanh Bình) giáp huyện Cao Lãnh, Hồng Ngự—hình thành địa bàn hành

(1) Tiền thân của Tiểu đoàn 502 quân giải phóng tỉnh Kiến Phong sau này. Hoạt động chủ yếu vũ trang tuyên truyền, hỗ trợ cho đấu tranh chính trị. Cố gắng kìm chế, tạm thời tránh những trận đánh gây tiếng vang.

lang căn cứ Đồng Tháp Mười nổi liền tỉnh Kiến Phong Mỹ Tho và Kiến Tường.

Chúng tôi được lệnh di chuyển cơ quan Khu ủy lên biên giới sông Sở Hạ (Hồng Ngự). Từ khuya, ai nấy lo cơm nước và đồ đạc xuống xuống gọn gàng, có cả tài liệu, súng, điện đài, máy chữ... Mưa rỉ rả, gió bấc thổi từng hồi. Tất cả các xuồng đều đổ về điểm hẹn. Mỗi xuồng có 2—3 người, luân phiên nhau bơi, chèo. Không ai có radio nên không biết là trời đang bão.

Trong đoàn, có cả đồng chí Nguyễn Minh Đường, Bí thư Khu ủy Khu 8. Tỉnh ủy Kiến Phong phân công đồng chí Thử (Sáu Sà) Phó Bí thư TU trực tiếp chỉ đạo đưa đoàn đi. Tỉnh cử 1 trung đội võ trang làm nhiệm vụ bảo vệ, do đồng chí Ba Trung (thầy pháp) và đồng chí Tụ (Tụ « mắt kiếng ») chỉ huy. Tuy ở xa đồn địch, nhưng trong vùng căn cứ của ta còn một bộ phận của lực lượng võ trang « Dân xã Đảng » — giáo phái ly khai. Mặc dù Năm Lửa đã ra hàng Ngô Đình Diệm, nhưng bọn này còn ở lại, với danh xưng « Trung đoàn Lê Quang » do Bảy Ót (em Ba Cụt) chỉ huy, đóng ở một số gò thuộc Thanh Bình, trở thành thổ phỉ, cướp bóc, bắt người tống tiền, hãm hiếp... đồng bào hết sức căm phẫn nhưng nơm nớp lo âu, không an tâm làm ăn.

Trên đường hành quân của ta, phải đi ngang qua đội hình đóng quân của chúng ở các gò. Để cho cuộc hành quân được suông sẻ, ta cử đồng chí Đào (Nguyên—quê ở Gò Công) thường gọi là « Đại úy Anh Đào » — đại diện cho Ban chỉ huy lực lượng võ trang giải phóng báo là ta « mượn đường » hành quân. Giăng co

mãi, chúng vẫn không cho ta đi.

Trời mưa tầm tã. Đã hơn 7 giờ sáng, mỗi người choàng nỉ lông, cầm sào cho xuống khỏi trời, chờ đợi. Liên lạc về báo tin : chúng kiên quyết không cho đi - Một cuộc hội ý chớp nhoáng. Các đồng chí lãnh đạo quyết định : Ta cứ đi !

Lệnh chuẩn bị. Lợi dụng trời đang mưa mù mịt, ta căng đội hình, xuống này cách xuống kia 15-20 mét, với chiều dài hơn 1 cây số. Đoàn xuống uốn lượn theo hình rồng rắn, người bơi, cán dầm và ngọn sào đưa lên hạ xuống nhấp nhô trông rất đẹp mắt. Một tiểu đội vũ trang đi trước, một tiểu đội đi 2 bên mạn sườn, một tiểu đội bảo vệ phía sau. Tất cả các xuống đều rẽ sóng lướt tới như đội quân xung trận.

Bọn « Trung đoàn Lê Quang » phát hiện, xả súng đại liên, trung liên bắn vào đội hình hành quân của ta. Đạn bay vèo vèo trên đầu anh em ta. Ta động viên nhau bình tĩnh, vượt qua, bất chấp lạnh lẽo. Nhiều đồng chí bực tức, đợi dịp sẽ trừng trị bọn này.

Đoàn xuống đã đi xa. Tiếng súng thưa dần. Anh em trong đoàn đều an toàn, không ai việc gì, chỉ có đi ngược gió, mệt, lạnh và đói.

Để bảo đảm cho cuộc hành quân đúng theo kế hoạch anh em trong đoàn xuống không dừng lại nghỉ mà thay phiên nhau ăn cơm nguội kẻ bơi, người chống, nhằm thẳng hướng Bắc, tiến tới, mặc cho gió mưa, có lúc mưa nặng hạt.

Khoảng 4 giờ chiều, rừng cây phía trước hiện rõ dần. Anh em reo lên : « Dứt Gò Suông » kia rồi ! Gần một

giờ sau, Đoàn xuồng đến Gò Sa Rài. Theo sự sắp đặt sẵn, khi Đoàn đến, cán bộ «tiền trạm» và cơ sở địa phương hướng dẫn phân tán nhanh, bảo đảm được bí mật.

Nửa giờ sau, bọn «Trung đoàn Lê Quang» cho một đại đội, đi 17 xuồng, mỗi xuồng 3 tên, súng ống đầy đủ—chúng đuổi theo. Đến Dứt Gò Suông, chúng hỏi đồng bào về đoàn xuồng vừa đi trước. Đồng bào trả lời: Không biết, không thấy... ! Trời sắp tối. Chúng xó rờ rời quay xuồng trở lại.

Được chỉ đạo của cấp trên, sau đó ta tổ chức đánh bọn phỉ và vây ép, đánh bật «Trung đoàn Lê Quang» và tiểu đoàn của bọn Tình, Tươi ra khỏi vùng căn cứ Đồng Tháp Mười và căn cứ đồng «Tứ Thường» Hồng Ngự. Ta hoàn toàn làm chủ vùng căn cứ. Đẹp được bọn này như gỡ được cái gai, đồng bào rất phấn khởi.

Sau cuộc di chuyển đó, Khu ủy đứng chân ở địa bàn thuận lợi, liên lạc với Trung ương, với xứ ủy Nam bộ và chỉ đạo các tỉnh trong Khu 8 tiến hành xây dựng lực lượng chính trị, vũ trang; Sau trận thắng ở Giồng Thị Đam — Gò Quán Cung (Tam Nông) ngày 26-9-1959 (1), mở màn cho phong trào Đồng Khởi trong Khu (1960—1961), hình thành thế tấn công 2 chân 3 mũi, tổ chức tiếp nhận vũ khí từ miền Bắc đưa vào bằng đường bộ và đường biển, đã góp phần đánh thắng Mỹ ngụy, kết thúc bằng cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, giải phóng miền Nam, thống

(1) Trận này ta diệt, làm bị thương và bắt sống 200 tên (bắt sống 105 tên có một đại úy tiểu đoàn trưởng), diệt d3, đánh thiệt hại nặng d2 thuộc E43-F23 ngụy, ta thu trên hai trăm súng các loại.

nhất Tổ quốc.

oOo

Trở lại tìm những địa danh liên quan đến cuộc hành quân của hơn 30 năm về trước : Gò Tre, Gò Cà Dâm (Tam Nông), Dứt Gò Suông, Gò Ổi (Sa Rài) vẫn còn đây, song có nhiều đổi thay, khó mà nhận ra diện mạo và càng khó tìm gặp lại người quen cũ. Xóm làng đông vui. Nhà gỗ, nhà ngói, nhà tường của nhân dân thi nhau dựng lên. Đó đây, cột ăng-ten máy thu hình, rồi xe cúp, trường học... Trẻ em tung tăng cắp sách đến trường. Cánh đồng lúa mùa nổi, lúa trời, đồng cỏ... năm xưa nay nhường lại cho những cánh đồng lúa 2 vụ. Bưng Sa Rài nhiều sen (mà chúng tôi đã giấu xuống, có cả máy chữ, điện đài trong đó) rồi cầu bảy mươi hai nhịp bắc ngang lưng, nay tìm « đở con mắt » không thấy. Hỏi ra mới biết con kinh Sa Rài được xáng mức ngay lòng bưng Sa Rài nổi thông lên biên giới, đưa nhanh phù sa từ sông Sở Hạ xuống làm cho đất đai thêm màu mỡ. Cầu 72 nhịp được bắc thành cầu bê-tông, tương lai ô-tô sẽ chạy lên tận các xã biên giới Thông Bình, Tân Thành B...

Gò Sa Rài đất đỏ, cát và nhiều tre, nay là thị trấn của huyện mới Tân Hồng. Điện Trị An và xe đồ từ Thành phố Hồ Chí Minh đã về đến tận vùng sâu của Tam Nông, Tân Hồng. Ngoài đồng, lúa Đồng Xuân đang mướt mà, hứa hẹn một vụ bội thu.

Xuân 1991

LÊ QUANG VŨ

BẮT TÀU BAN NGÀY Ở THỊ XÃ SA ĐÉC

Bọn Ty Quan Thuế Sa Đéc trang bị một chiếc tàu trên 100 sức ngựa chạy rất nhanh. Khi phát hiện mục tiêu, chúng mở hết tốc độ chạy cấp mục tiêu (ghe tàu chở hàng hóa). Trong tàu chúng trang bị 1 trọng liên 12 ly 7, M 79, 3 cạc bin, chúng bố trí 7 tên có thuyền trưởng, 1 thuyền phó, 5 lính Ty Quan Thuế.

Hoạt động của chúng trên sông Cửu Long đoạn từ thị xã Sa Đéc đến An Tịnh. Chúng có chốt ở vườn xoài xã Tân Quy Đông thị xã Sa Đéc. Hằng ngày chúng vơ vét tiền của đồng bào đi trên sông Cửu Long, kể cả cán bộ ta đi chuyển súng đạn ở trên nguy trang đưa hấu, dưa khô, bí đao, bí rợ v.v...

Thị xã ủy chỉ đạo Ban An Ninh vũ trang kết hợp lực lượng vũ trang Thị đội Sa Đéc, nghiên cứu có phương án đánh chúng. Chấp hành sự chỉ đạo của cấp ủy, ban An Ninh kết hợp Ban chỉ huy Thị đội bố trí lực lượng trinh sát nắm tình hình hoạt động ở tại chốt, bọn ở trên bờ và bọn ở dưới tàu. Công việc rất công phu. Để tìm ra sơ hở của chúng, anh chị em phải hóa trang bằng nhiều cách để tiếp cận mà bọn địch không nghi ngờ. Kết quả nắm chắc quy luật sơ hở của chúng là lúc 11 giờ đến 2 giờ chúng ăn nhậu và nghỉ ngơi chỉ còn 1 tên gác.

Các đồng chí trinh sát về báo cáo lại và trình phương án tác chiến. Được sự đồng góp ý kiến, hai Ban chỉ huy thống nhất cách đánh, đặt ra một số tình

hướng xảy ra nhất là chi viện của bọn địch ở nội ô thị xã. Chúng có thường trực 2 chiếc giang cảnh chạy rất nhanh. Trận đánh nếu kéo dài 30 phút có thể chúng đến cứu viện bằng giang cảnh hoặc bộ binh, sẽ gây tổn thất cho ta khi phải vượt sông Cửu Long ban ngày để trở về căn cứ ở cồn Bình Thạnh (ngang thị xã Sa Đéc), chúng dễ phát hiện và truy theo.

Ban chỉ huy trận đánh do đồng chí Bé Sáu chỉ huy, đặt điều kiện phải đánh cho thật nhanh trong vòng 15 phút phải rút khỏi trận địa thì kẻ địch không đối phó kịp. Tội đồng ý cách giải quyết tại trận địa 15 phút, xuống ghe về căn cứ là an toàn. Mặt khác bố trí 1 khẩu B 40 ở bờ Bình Thạnh, khi phát hiện tàu giang cảnh đánh chi viện cho anh em rút lui an toàn.

Các đồng chí bố trí 6 đồng chí lực lượng vũ trang Thị đội và An Ninh vũ trang, 1 đồng chí trinh sát hợp pháp của đội An Ninh vũ trang làm ám hiệu ở mục tiêu tình bình thay đổi không thuận lợi thì ra ám hiệu ta đình lại, tình hình bình thường thì ra ám hiệu anh em áp sát vào mục tiêu, trinh sát di chuyển nơi khác để giữ bí mật.

Đúng 12 giờ trưa của một ngày trong tháng 5 năm 1972, lực lượng ta bắt được ám hiệu, mục tiêu không có gì thay đổi. Các đồng chí áp sát mục tiêu, 2 đồng chí nhảy lên bờ, 2 đồng chí nhảy lên tàu, Bọn chúng bị bất ngờ bỏ chạy tán loạn. Có 1 tên trong tàu chụp súng bắn anh em. Các đồng chí ta nổ súng trước kết liễu tên địch ngoan cố. Còn tên thuyền phó đầu hàng. Anh em ta bắt nó làm tù binh, thu vũ khí và 1 xe honda ở trên bờ khiêng xuống tàu, bắt tên thuyền phó

mở máy chạy. Tên này ngoan ngoãn thi hành lệnh anh em ta, mở máy chạy về cồn Bình Thạnh. Ta thu 1 trọng liên 12 ly 7, 3 cạc bin, 1 M 79, hàng ngàn đạn và quân trang ở trên tàu, phá hủy máy tàu.

Khoảng 2 giờ sau chúng cho 2 chiếc trực thăng «cán gáo», quần kiểm chiếc tàu, 1 giờ sau chúng phát hiện được kêu thêm 1 đại đội bảo an của xã Bình Thạnh để kéo tàu về.

Kết quả chúng lấy được vỏ tàu, kéo về thị xã còn cái ruột hư hết.

Nhân dân đi trên sông Cửu Long hả lòng hả dạ nghe tin ta diệt bọn thuế quan. Quần chúng Sa Đéc chứng kiến trận đánh chớp nhoáng và đầy mưu trí của an ninh và lực lượng vũ trang ta, tạo niềm tin cho quần chúng đấu tranh với địch. Bọn địch Sa Đéc rất hoang mang bỏ trạm thu thuế, đưa quân đánh phá cồn Bình Thạnh cả tuần và đóng thêm đồn bót, đẩy lực lượng vũ trang ta xa đầu não chúng. Nhưng không những chúng không đẩy được lực lượng vũ trang ta mà ta vẫn bám chúng đến ngày giải phóng miền Nam. Đây cũng là nơi đầu mối nối liền miền Tây.

Sau trận đánh Quân Khu chín tặng huân chương chiến thắng hạng Ba cho quân dân thị xã Sa Đéc.

LÊ VĂN MAI

NGƯỜI LÍNH SƯ ĐOÀN

Sư đoàn 5 anh hùng là một trong ba Sư đoàn quân chủ lực đầu tiên của chiến trường miền Nam, vừa tổ chức trọng thể lễ kỷ niệm 25 năm ngày thành lập. Suốt 25 năm chiến đấu và trưởng thành, Sư đoàn 5 đã lăn lộn trên khắp chiến trường miền Đông cũng như miền Tây Nam Bộ và trực tiếp tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh ở mũi Tây Nam. Như nhiều đơn vị khác, Sư đoàn 5 cũng đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quốc tế của mình, góp phần vào sự hồi sinh của nước bạn Campuchia. Hai lần được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân chính là sự đánh giá cao của Đảng và Nhà nước ta đối với thành tích của Sư đoàn, đồng thời cũng thể hiện rõ sự trưởng thành của đơn vị trên chặng đường đầy gian lao thử thách vừa qua.

Tuy đã 15 năm rời bộ đồ lính, nhưng là một chiến sĩ cũ của Sư đoàn, nghe tin đó tôi càng thấy phấn khởi tự hào. Những năm tháng đã sống và chiến đấu trong quân ngũ, cũng như bao người lính khác, bản thân tôi có biết bao kỷ niệm sâu sắc. Một trong những ấn tượng khó quên là lần đầu tiên chúng tôi hành quân xuống vùng bưng biển Đồng Tháp.

Hồi ấy vào cuối năm 1972, đơn vị tôi đang chiến đấu ở mặt trận Bình Long thì được lệnh tiến về miền Tây Nam Bộ để chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ mới khi

hiệp định Paris về Việt Nam sẽ được ký kết vào đầu năm 1973. Đồng bằng Nam bộ và nhất là vùng bờ biển Đồng Tháp Mười tuy đã được nghe nói nhiều nhưng chưa một lần đi tới, nên bấy giờ, dù mới được lệnh «sẽ đi» mà lòng tôi không khỏi háo hức, chờ đợi và cố hình dung ra những cảnh trí mà mình sẽ tiếp xúc sắp tới!...

Trên suốt chặng đường hành quân dài dằng dặc từ miền Đông xuống miền Tây đã trải qua những đoạn đi bằng xe lỏi, xuống ghe... Tuy vậy đáng nhớ nhất và cũng gay go nhất là đoạn từ khu vực Ba Thu xuống Mỹ Tho. Tuy đã sang mùa khô nhưng vùng này vẫn mênh mông đồng nước với bạt ngàn rừng tràm. Do địa hình đồng bằng trũng trãi nên phải hành quân hoàn toàn vào ban đêm. Đêm đi, ngày nghỉ. Sinh và nước luôn ở mức trên đầu gối, có nhiều chỗ thụt sâu đến lưng quần. Mỗi khi được nghỉ giải lao thường phải «nghỉ đứng» nghĩa là người thì đứng còn cái bông mang trên lưng thì được chống đỡ lên bằng 1 cây gậy để cho đôi vai bớt mỏi đôi chút, rồi lại đi tiếp. Cứ như vậy, có đêm phải đi trắng sáng mới tìm được chỗ ém quân. Người vừa lạnh lại vừa mệt, đôi chân lúc nào cũng tê cóng. Trên đường đi, không may đạp phải một gốc tràm khô thì nổi đau lan lên tới đỉnh đầu.

Đặc biệt trong lần hành quân này, điều đáng nói là những ngày phải ém quân ở rừng tràm lúp xúp trên đồng nước nổi giữa bờ biển. Sở là đơn vị đang tiến quân thì đúng một cái có lệnh phải dừng lại vì điểm tập kết của chúng tôi là bờ kinh Nguyễn Văn Tiếp hiện đang trong vòng càn quét của Sư đoàn 7 ngày

Sài Gòn. Ở khu vực này, việc ăn uống là vất vả, nếu không cần mặt có thể phải đồ máu và lộ cả hương hoạt động. Hơn nữa đơn vị tôi lại là đơn vị quân y, mang vác công kênh, lỡ bị ngập ướt sẽ hư hết thuốc men và những phương tiện phục vụ thương bệnh binh lâu dài. Cho nên hơn lúc nào hết, vấn đề an toàn bí mật lúc này được đặt lên hàng đầu, bên cạnh đó phải đảm bảo sức khỏe cho bộ đội để sẵn sàng hành quân tiếp khi có lệnh. Vấn đề đặt ra lúc này là bố trí việc ăn nghỉ cho anh em như thế nào trên địa hình đồng nước. Nhưng cái khó làm ló cái khôn. Chính trong hoàn cảnh gian khổ khó khăn, con người mới có những suy nghĩ và việc làm táo bạo thông minh nhất. Để có cơm ăn, chúng tôi mới nghĩ ra cách « nấu cơm treo » tức là: đóng 3 cây cọc tràm gần chụm lại với nhau rồi lấy nắp nồi quân dụng để lên làm bếp, nồi cơm được treo chặt trên 2 cây cọc tràm khác đóng cao hơn sao cho lửa đốt trên cái nắp đủ tiếp xúc được với đáy nồi cơm. còn cái nắp đáy nồi cơm được thay thế bằng một miếng mủ (nilon) cắt ra từ cái tăng rách, khi nào nồi cơm cạn nước thì lấy miếng mủ đem nhúng ướt nước rồi đặt kín lại, giữ hơi nóng rất tốt. Củi nấu thì bẻ những nhánh tràm khô. Nước thì cứ tự nhiên mà mức ngay ở dưới chân lên nấu.

Lúc này còn đang mùa nước lớn nên nước ở rừng tràm cũng đồ chua hơn. Thế là vẫn có cơm dẻo, nước chín phục vụ bộ đội. Còn mọi sinh hoạt, ngủ nghỉ thì ở trên chiếc võng mắc « tòn ten » giữa các thân cây tràm. Khó khăn nhất vẫn là những người không có võng. Đơn vị tôi lúc ấy cũng có hai người mất võng mà quân nhu chưa cấp kịp, thành ra phải nghĩ cách

tạo những cái « giường trên cây » để ngủ. Cách làm là chọn chỗ tràm mọc dày và thấp rồi kéo các ngọn cây xuống cột túm lại cho thật chặt, tạo thành một cái « lười cây » được đan kín bởi những ngọn và nhánh tràm rồi bẻ lá tấp lên cho dày, trải miếng mủ xuống là có thể nằm được. Cứ ém quân theo kiểu « trên nước » và « trên không » như vậy, đơn vị chúng tôi đã ở suốt 3 ngày 3 đêm giữa một địa thế tưởng như khó khắc phục nổi..

Sau này có lần tôi đã kể cho bạn bè nghe về tình huống trên như là một kỷ niệm thật độc đáo khó quên nhưng mọi người đều cho là tôi bịa chuyện, thổi phồng sự khó khăn. Kể ra mới nghe cũng khó tin thật nếu như con người chưa từng trải những cảnh như vậy. Nhưng có lẽ chỉ có người lính mới thấy hết cái gian khổ, mới có đủ khả năng để vượt qua những thử thách mà ở hoàn cảnh bình thường khó có thể vượt qua, Chỉ nói riêng tinh thần ấy cũng phần nào thể hiện chất anh hùng của lực lượng vũ trang Nhân dân Việt Nam ta vốn mang trong mình truyền thống anh bộ đội Cụ Hồ: « Trung với Đảng, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng ! ».

Ngày 22-12-1990

TÔ QUỐC TUẤN

CỒN HẠNH PHÚC

Ngày 5 tháng 7 năm 1966 tôi rời T2 đi Kiến Phong. Lúc này mùa mưa qua tháng thứ ba, nhiều vùng trong Đồng Tháp Mười nước đã nổi cao. Chỉ có Ba Gò là đi bộ được, còn từ Gáo Đồi xuống Cò Đông, Phương Thịnh, Thiện Mỹ, Thanh Mỹ... thì đều phải đi xuồng.

Biết tôi là cán bộ mới xuống chiến trường, anh Năm Lê Hà—Phó tiểu ban cùng chủ nhà là anh chị Tư Hiệp vui vẻ thăm hỏi và kể nhiều chuyện cho tôi nghe.

Không chờ tôi hỏi, anh Năm tự giới thiệu : Tiểu ban tỉnh hiện có 7 cán bộ, 5 đi cơ sở, chỉ còn tôi thủ dinh, anh Bảy Phú Thọ ở văn phòng ban. Hồi chín năm, anh Bảy là Phó ty Thông tin tỉnh Long Châu Sa, anh không đi tập kết. Sau đồng khởi, 1961 anh được rút lên Ban Tuyên huấn tỉnh và bổ trí làm Trưởng Tiểu ban giáo dục. Tôi và vợ tôi tên Hiệp tự Lê Thanh về Nam cuối năm 1964. Ra Bắc chúng tôi cùng học sư phạm. Quê tôi ở bên Sađéc, còn vợ tôi ở Quảng Ngãi.

Hiện bà ấy đang đi mở lớp sư phạm ở lô số bảy. Hữu Ngợi thì anh biết rồi, còn chị Hai Ngọc Mai ủy viên Tiểu ban, Vũ Thắng là cán bộ, cả hai quê đều ở tỉnh này, nhưng gia đình thì ở vùng ngoài. Người lớn tuổi nhất Tiểu ban là chú Sáu Tú quê ở Bến Tre, hiện đang công tác ở Thanh Mỹ.

Tỉnh Kiến Phong có 55 xã, vùng giải phóng rộng

nhưng hầu hết nằm phía trong Đồng Tháp Mười, 6 tháng mùa nước phải đi bằng xuồng, dân thưa, nhiều gia đình sống trên ghe và thường ở cặp sông để tiện di chuyển, vì thế tổ chức mở trường lớp rất khó khăn.

Trước năm 1965, mỗi năm chỉ có trên dưới 1.000 học sinh và gần 50 giáo viên. Năm 1965 có 32 giáo viên với 912 học sinh và 1 trường Bồ tát Văn hóa Công nông có hơn 40 học sinh. Cuối 1965 vùng biên giới thuộc xã Thường Thới Hậu địch đánh phá mạnh, trường phải tạm thời qua đất Campuchia một thời gian, rồi sau cho học sinh ra trường. Số lớn đưa vào bộ đội Tiểu đoàn 502 và về cơ quan. Có 4 em hy sinh trong trận Láng Trượng. Còn hầu hết thầy cô thì bổ sung cho các huyện : Ba Giáo về Hồng Ngự, Tám Khởi — Đoàn Phương về Cao Lãnh. Hai Hải—Vũ Khúc về Mỹ An. Hai cô Hương Huyền—Ánh Tuyết về xã làm giáo viên.

Còn tình hình cơ sở hiện nay thế nào ?

Trước khi Mỹ đổ quân, trong vùng giải phóng ấp. xã nào cũng có trường lớp cả. Từ nửa năm 1965 trở lại đây, chiến tranh ác liệt, dân di tản bót, số trường lớp cũng giảm. Hiện toàn tỉnh phong trào chỉ còn giữ được ở các xã Bình Thạnh, Thiện Mỹ, Thanh Mỹ và dọc các xã theo biên giới, chủ yếu trên đất bạn. Từ hôm nước lên cao đến nay nhiều điểm trường phải tạm ngưng.

Sau vài ngày ở Tiểu ban tìm hiểu tình hình, ngày 15-9-1966 tôi theo anh Năm ra cồn Bình Thạnh, được chú Sáu Mạn, Bí thư chi bộ xếp cho ở nhà Minh Châu—Trưởng tiểu ban giáo dục xã, tôi rất yên tâm. Hằng ngày tôi cùng Minh Châu bơi xuồng xuống ấp, trường,

đem đến thì cũng đi gác biệt kích.

Tuy ở gần giữa sông Tiền, tàu giặc áp sát bắn phá, biệt kích luôn, nhưng 4 điểm trường với 301 học sinh, 5 giáo viên vẫn được duy trì. Những giáo viên trẻ, như Việt Kỳ, Mai, Xuân, Ngai, Diệp đều nhiệt tình hăng hái. Còn anh Tư Trường, người hoạt động trong Hội truyền bá quốc ngữ năm xưa ở Sa Đéc qua đây cũng tận tụy với các lớp bình dân, bổ túc. Vợ anh chính là một học viên của anh.

Sau mùa lụt 1966, ngày 3 tháng 12 tôi trở về rồi lần lượt đi các xã trong Đồng Tháp Mười và biên giới. Lúc này địch đánh dữ hơn. Quân Mỹ thực hiện chính sách «tìm diệt», cùng với quân nguy chúng cố gắng giành nông thôn, củng cố nguy quân, nguy quyền. Hướng đối phó của ta vẫn là tiếp tục thể chủ động ba mặt, đánh phủ đầu Mỹ, tiếp tục đánh nguy, củng cố vùng giải phóng, giữ dân, xây dựng lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị v.v... Phong trào giáo dục có khó khăn hơn, các trường lớp phổ thông chỉ còn 11 điểm với 307 học sinh, nhưng bổ túc văn hóa vẫn được duy trì và khôi phục trở lại ở nhiều xã và cơ quan. Cả tỉnh có tới 687 học viên (xã ấp 455, cơ quan 212). Chị Thùy Nhiên, Năm Tài được rút về tỉnh. Chú Sáu Tú thì vẫn cùng Hữu Ngợi, hai bác cháu lúc xuống, lúc bộ tới lui dọc kinh Một thuộc xã Thanh Mỹ giúp củng cố 9 điểm trường. Thấy máy bay, tuy không rõ, mắt kiếng nhìn một thành hai, chú vẫn giương bá đờ bốp cò, viên đạn không đựng tới máy bay, nhưng nhìn chú ai cũng thấy vui vẻ, lạc quan.

Xúc động nhất là cảnh thầy giáo Thi bỏ thành theo kháng chiến từ chín năm, nay vẫn miệt mài đeo bám

từng tốp học sinh, dưới bóng cây chòi mòi và các túp lều cỏ dọc biên giới thuộc xã Thông Bình. Thầy giáo Quang già, chong đèn bời xuồng, lọi sinh đến với học sinh, tận tụy như chim mẹ kiếm mồi cho con đến lúc chết trên vùng biên giới vịnh Bà Tân Hội, Bình Thạnh (thuộc Hồng Ngự) này.

Vòng qua Thường Phước, đến Cồn Cỏ giáp biên giới trên bờ sông Tiền, phía bên kia là Vĩnh Xương thuộc Tân Châu, An Giang. Ở đây không khác gì Bình Thạnh, cũng là cồn trên sông, cũng là nơi tiếp giáp 3 tỉnh, dân ở công khai, đông đúc, con nít cũng ì xèo, mấy lớp học ghép đông nghẹt học sinh. Trên những chiếc bàn ghế dặt tre, ván gòn còn xiêu vẹo, học sinh trật tự, chăm chú lắng nghe theo cô giáo giảng bài.

Trong căn cứ ai ra đây mặt mày cũng tươi rói, không khí mát mẻ trong lành, dân tình hào hiệp, bóng dáng chiến tranh như lùi đi. Không biết đã có bao cặp vợ chồng, bao người thân được móc nối, gập gờ và bao nhiêu cháu bé được tạo ra ở đây, nơi đầu nguồn và nơi cuối nước của tỉnh Kiến Phong. Nơi được mang cái tên « Cồn hạnh phúc » trong những tháng năm gian khổ.

Hôm nay trở lại những vùng đất mà mình đã đến, tôi ngỡ ngàng trước đổi thay. Tuy còn những mái lá đơn sơ, bàn ghế xiêu vẹo, thầy trò còn vất vả, song ngày càng có thêm nhiều ngôi nhà, ngôi trường tươi màu ngói đỏ, sáng màu tôn nhô lên, vườn khỏi những vườn cây ăn trái, ruộng rẫy xanh tươi, xum xuê. Đường giao thông đường điện đã đến với nhiều vùng xa xôi. Bình Thạnh, Cồn Cỏ vẫn là nơi trù phú nổi hai đầu, đón và tiễn khách ra vào Đồng Tháp trên sông Tiền hiền hòa tươi mát, vẫn xứng đáng cái tên « Cồn Hạnh phúc ».

Sađéc, tháng 4 năm 1990

XUÂN TU

TÔI VIẾT BÀI HÁT HOA SEN

Tháng 7-1959 cơ quan chúng tôi (Ban Tuyên huấn tỉnh Kiến Phong) đóng ở cụm tràm nằm cặp kinh Xáng Xéo tiếp giáp kinh Cái Bèo.

Lúc này nước đã chớm lên, ngập mặt đồng. Ban đêm chúng tôi bám trong đám tràm làm việc và ngủ. Ban ngày, có động thì rời bỏ các đám tràm (vì chúng chú ý bắn phá vào đó) lách ra cánh đồng đứng lợi dụng cái mênh mông của nó mà ẩn náu.

Hôm đó, trời mới rạng sáng, con « cào cào » tới đảo rè rè, dẫn đường chỉ điểm cho « bộ tam sên » ba loại trực thăng thường đi chung gồm 1 chiếc « đầu láng » chỉ huy, 2 chiếc « cá lẹp » phóng rốc-kết, bắn đạn liên thanh và 2 chiếc « cá nóc » bắn tiểu liên cực nhanh và ném lựu đạn cay, M26, MK3...) tới bắn phá dọn bãi cho bày « nòng nọc » 5 chiếc tới đổ quân xuống phía đồng kinh Cái Bèo, cách chúng tôi hơn cây số. Chúng tôi phân tán từng tổ và tách ra cánh đồng đứng chống càn.

Bọn bộ binh xuống đất đã theo bờ kinh Cái Bèo đi lần ra. Tiếng súng rộ lên từng chập giúp ta dễ phân đoán hướng đi và nơi chúng đang đến.

Trang bị cá nhân để chống càn của mỗi người chúng tôi gồm: một tấm vải dù bông choàng đầu và phủ xuống người để nguy trang, sợi dây nịt ngang lưng

luôn luôn có một vài trái lựu đạn ném, một bọc mủ nhỏ trong đựng cuộn băng, gạc cá nhân, ít viên vi-ta-min K dùng khi bị thương, một tấm ni lông dài hai thước dùng che mưa và trải ngủ, một bọc mủ đựng cục xà bông giặt lớn cỡ cuờm tay để trị đỉa, một gói cơm sấy phòng đói, một bình ton đựng nước uống và khẩu súng trường hoặc tiểu liên (cạc bin, CKC hay AK AR 15...)

Tôi chọn một cụm đưng hơi đầy, chui vô ngòi, Nước ngập tới bụng. Tôi dựng khẩu CKC tựa nòng vào vai, mở cục xà bông chà cho nó tan vô bọc mủ một chút và bắt đầu bắt đỉa. Đỉa ở vùng này nhiều khá nổi tiếng. Nghe tiếng nước động và bắt mùi người, không lâu, lũ đỉa đã thun thân lợi tới tìm ta. Đối với chúng, diệt chúng thật là khó. Bắt được nó, khó đập, cắt, đâm, bóp... gì cho nó chết. Mà hễ gỡ liệng ra xa chỉ một lát chúng quay trở lại... Trong cái khó đó cái khôn. Chúng tôi sáng chế ra cách dùng bọc mủ đựng nước hòa xà bông, hễ gỡ được con đỉa nào thì bỏ nó vô bọc. Gặp nước xà bông, chúng ọi máu ra, vùng vẫy ngo ngoáy một hồi rồi chết. Tay cầm bọc mủ đựng nước xà bông, tay gỡ đỉa, tôi đã bắt lai rai được năm bảy con.

Chín mười giờ, mặt trời bắt đầu soi thẳng xuống. Năng hừng hực trên đầu. Tôi ngược mắt nhìn lên. Ngọn đưng thừa để lộ mảng trời rộng xanh biếc, lang thang từng cụm mây trắng như bông trôi qua trời. Nếu không có tiếng súng bốc bực kia thì trời đất quả thật hiền dịu, thanh bình. Cách chỗ tôi ngồi «chém vè» không xa, một cái lưng năng và trong đó nổi rõ lên mấy bông sen hồng thắm. Hai ba bông sen còn búp đầu tím nhọn

đỏ hồng, vươn lên rung rinh trong nắng gió. Nhìn bông sen, tôi bất chợt nảy ra một cảm giác, một suy nghĩ : bông sen có hình dáng giống trái tim. Giữa cảnh đạn bom, chất độc hủy diệt này, bông sen vẫn trở đỏ thắm vươn lên trời xanh, lấp lánh ánh nắng. Có cái gì anh dũng, bất khuất, có cái gì gan góc, anh hùng, có cái gì đẹp đẽ, cao quý trong cái bông sen trở lên dưới nắng ấy. Tôi liên tưởng đến con người ở xứ Tháp Mười này giống như bông sen. Mặc cho giặc tuôn bom, rải chất độc, càn quét, bắn giết... con người vẫn sống, sống một cách hiên ngang, giữa trời. Lòng yêu nước bắt nguồn từ ông cha đã đúc thành truyền thống lưu truyền, nuôi dưỡng mỗi con người, Tháp Mười, bông sen, người dân, yêu nước, bất khuất... những từ ấy khiến tôi nhớ tới câu ca dao :

Tháp Mười đẹp như bông sen
Nước Nam đẹp như có tên Cụ Hồ.

Bác Hồ ! Đúng rồi, mấy chục năm nay mỗi người dân Tháp Mười có ai không biết đến tên (tuy chưa gặp mặt) Bác Hồ, ai không thấy tự hào mình là dân Bác Hồ và ai không tự khẳng định mình sống chết sao cho xứng đáng là cháu con Bác Hồ. Chiến tranh còn ác liệt, cách mạng ngày càng khó khăn, chưa biết ngày nào thắng lợi, vậy mà ai cũng tin sẽ có ngày toàn thắng có ngày Bắc vô Nam, về thăm Cao Lãnh và người dân xứ này già trẻ ai ai cũng được gặp mặt Bác Hồ. Mà muốn lúc gặp Bác, không phải hổ thẹn, bây giờ mình phải sống chiến đấu sao cho xứng đáng là con cháu Bác. Mỗi người dân Tháp Mười đều khắc đậm hình ảnh Bác trong trái tim mình. Suy nghĩ ấy làm tôi vụt nảy ra cái ý : bông sen là trái tim Bác Hồ. Tháp Mười

có hằng triệu bông sen là có hằng triệu trái tim Bác Hồ. Dân Tháp Mười có quyền tự hào rằng mỗi người dân đều chứa trong lòng ngực mình trái tim yền nước của Bác Hồ. Ý nghĩa ấy giúp tôi phấn khởi hẳn lên. Vừa gõ đĩa, vừa theo dõi cánh quân giặc, vừa ráng chịu cái nắng gay gắt, tôi nhìn trời và nảy ý sáng tác một bài hát nói về bông sen, qua bông sen để nói về lòng dân Tháp Mười đối với Bác Hồ. Tôi chọn chủ đề âm nhạc, giai điệu, ý lời... Phải rồi, xứ Tháp Mười có vốn dân ca độc đáo, trong đó có điệu hò Đồng Tháp. Vô đầu câu hò thường bằng hai chữ hò hơ... Tôi bắt đầu bài hát cũng bằng hai chữ hò hơ và nhìn trời, trời xanh cao rộng, mây trắng bay..., tôi hình thành lời ca câu đầu : Hò hơ ! Bát ngát trời xanh lượn quanh mây trắng, rạng dưới nắng hồng đỏ thắm một màu hoa... Cứ vậy, vừa nhìn trời, nhìn bông sen, suy nghĩ, vừa gõ đĩa, tôi vừa viết nhạc. Nói viết cho oai chứ đang chống càn, giấy viết không có, tay gõ đĩa, tay cầm bọc mủ đựng đĩa, tôi chỉ nhằm lời ca, nốt nhạc trong miệng, cố nhớ trong đầu. Tan trận chống càn tôi cũng hình thành được phần lớn bài hát. Niềm vui xóa đi cái vất vả của buổi chống càn. Tôi đứng dậy trút bỏ bọc đĩa mà nước xà bông đã đổ vì máu trong đó lũ đĩa đen thui đã chết nằm ngay chò.

Về điểm ở, tôi lấy giấy viết ghi lại phần đầu bài hát vừa sáng tác và viết tiếp đoạn cuối. Đoạn cuối tôi cố tình trở lại câu ban đầu : Hò ơi... Bát ngát trời xanh lượn quanh mây trắng... để dẫn đến kết thúc bằng nhấn mạnh (trong nhạc thường gọi là cao trào) : Hoa sen, trái tim Bác Hồ Chí Minh, trái tim Bác Hồ kính yêu ngời sáng... và dứt bằng câu : Trái tim giữa lòng

Tháp Mười.

Thật một nỗi đau bất ngờ, hơn một tháng sau, tin như sét đánh tới với mọi người, tới với chúng tôi : Bác Hồ qua đời ! Tôi giữ bài hát Hoa sen như một kỷ niệm của đời mình, thỉnh thoảng lấy ra sửa chữa, thêm bớt và mãi đến sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, tôi sửa thêm mấy lần nữa rồi nhờ phổ biến ở tỉnh nhà.

Bài hát nếu có được ít nhiều người ưa thích không phải vì hay mà chắc hẳn vì nó bộc lộ được tình cảm chân thành của một đứa cháu xứ Tháp Mười xa xôi đối với Bác Hồ vô vàn kính yêu.

NGUYỄN VĂN LONG

CHUẨN BỊ THỰC LỰC GIẢI PHÓNG VÀ TIẾP QUẢN MỘT VÙNG YẾU

Để chuẩn bị cho cuộc tổng tấn công mùa xuân năm 1975, Thường vụ Khu ủy Trung Nam bộ quyết định tách 3 huyện Thạnh Bình, Tam Nông và Hồng Ngự (tỉnh Kiến Phong) nhập với huyện Tân Châu, An Phú, Phú Tân A, Phú Tân B (huyện mới) của tỉnh An Giang thành tỉnh Long Châu Tiền. Thời gian này tôi là Tỉnh ủy viên Bí thư Tỉnh đoàn Kiến Phong, là 1 trong hơn 40 cán bộ sơ trung cấp của tỉnh được cấp trên điều động về tỉnh Long Châu Tiền.

Trên đường từ căn cứ Tỉnh ủy Kiến Phong ở Xẻo Quít xã Long Hiệp, Cao Lãnh về căn cứ Tỉnh ủy An Giang phải đi bộ lên biên giới tỉnh, vượt qua đồn bót địch và sông Cửu Long, đi vào căn cứ hàng chục cây số. Đến bờ sông Cửu Long, trên biên giới huyện Pelchos tỉnh Preyveng Campuchia, chuẩn bị qua sông ban ngày. Giao bưu khu chuẩn bị thuyền máy. Thuyền đưa đến nửa sông phát hiện tàu binh của ngụy quân Sài Gòn, lù lù từ lòng cồn trên địa phận của Campuchia chạy xuống. Trên thuyền máy chúng tôi có hơn 20 đồng chí trong đó có đồng chí Nguyễn Xuân Trường nguyên Bí thư Tỉnh ủy Kiến Phong cùng đi. Súng ống đầy đủ, đồng chí thông báo mọi người bình tĩnh, đạn lên nòng, súng cầm chắc ngắm vào mục tiêu sẵn sàng

chiến đấu, nhưng không được nổ súng trước. Thuyền gần 2 máy BS chạy hết tốc độ sang sông. Nếu ta nổ súng trước, tàu địch dùng hỏa lực mạnh trả lại ta sẽ bị tiêu diệt. Cứ thế chạy sang bờ sông trên biên giới thuộc tỉnh CaDal Campuchia. Thuyền ta vừa cập bến thì tàu địch vừa chạy ngang thuyền của ta. Lúc này không ai bảo ai, tất cả đều nhảy lên bờ chọn địa hình để đối phó. Nhưng tại sao địch không bắn ta ? Theo nhận định của anh em trong đoàn là do tình hình địch đang trên đà suy yếu, mặt khác có thể địch nhận định là ta qua sông nhứt định đã có hỏa lực án ngữ trên bờ, vì trước đó có nhiều tàu bị ta bắn chìm tại khúc sông này. Nếu bắn ta thì chúng sẽ bị tiêu diệt, cho nên xử lý bằng cách mạnh ai nấy đi không va chạm là tốt nhứt. Do đó, đoàn chúng tôi qua sông đi đến căn cứ Tỉnh ủy An Giang an toàn.

Về đến căn cứ chúng tôi nghỉ 2 ngày để sắp xếp tổ chức. Sau đó, mở hội nghị cán bộ (Kiến Phong và An Giang) phổ biến quyết định của Thường vụ Khu ủy, chỉ định Tỉnh ủy Long Châu Tiền, hơn 30 đồng chí. Anh Nguyễn Xuân Trường làm Bí thư, anh Sáu Sên (hiện nay là Bí thư Tỉnh ủy An Giang) làm phó Bí thư Tỉnh ủy. Tôi là Tỉnh ủy viên được phân công làm Trưởng ban cán sự ; chị Sáu Mỹ Tân làm Phó ban và một số đồng chí khác là Ủy viên Ban cán sự huyện Phú Tân A. Huyện này gồm có xã Long Thuận, Long Khánh và Phú Thuận (Hồng Ngự) xã Long Sơn, Phú Lâm và Hòa Lạc (Tân Châu). Vừa sắp xếp tổ chức xong, chuyển căn cứ của tỉnh, huyện Phú Tân A và Phú Tân B, về xây dựng ở biên giới thuộc huyện Hồng Ngự, tổ chức Hội nghị Tỉnh ủy Long Châu Tiền báo cáo

ình hình và chủ trương. Hội nghị giao nhiệm vụ cho lực lượng vũ trang của Tỉnh và các huyện ở phía Bắc kết hợp chính trị, binh vận tấn công bao vây bức hàng, bứt rút đồn bót, chống địch phản kích, mở rộng vùng giải phóng. Các huyện phía Nam xây cơ sở mới trong quần chúng kể cả trong ngũ quân, ngũ quyền theo con đường thân nhân quen biết, chủ yếu là lực lượng phòng vệ dân sự, chuẩn bị lực lượng để phục vụ cho yêu cầu trên.

Đến tháng 11-1974, Thường vụ Tỉnh ủy quyết định cử tôi, anh Sáu Tân — ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy và anh Sáu Cai phó Ban kiểm tra tỉnh ủy đi học Nguyễn Ái Quốc miền Nam ở miền Đông. Thời gian học 9 tháng. Trong thời gian này chủ lực ta đánh giành thắng lợi ở Phước Long mở đầu cho cuộc tổng tấn công. Địch phản kích bằng trực thăng bắn phá và đồ biệt kích đánh vào một số cơ quan của Trung ương cục và miền Đông.

Chúng tôi học được 4 tháng thì ta bắt đầu tấn công chiếm thị xã Buôn Ma Thuột và tiếp tục đánh chiếm các tỉnh từ miền Trung trở vào. Chiến thắng dồn dập, thầy trò không yên tâm dạy và học. Có lúc vào thảo luận tổ, vừa mở radio nghe đài phát thanh Giải phóng và Hà Nội thông báo tin chiến thắng mới nhận được, nên phải ngừng không thảo luận mà tập trung nghe tin chiến thắng từ tỉnh này sang tỉnh khác. Anh em quá phấn khởi không sao kể xiết và không biết làm gì, mới hùn tiền đi căn tin mua trà bánh kẹo nấu nước ngồi uống trà mừng thắng lợi, bàn nhau cuộc tấn công này sẽ giải phóng miền Nam. Tập trung đánh vào thành phố Sài Gòn — Gia Định có thể Trung ương

sẽ trung dụng bọn mình chỉ viện và tiếp quản thành phố. Ngày tôi không nhớ rõ khoảng đầu tháng 4-1975, được thông báo của Ban giám hiệu nhà trường cho biết 19 giờ tất cả đều lên hội trường nghe thông báo thời sự và chủ trương của Trung ương. Được thông báo, anh em lo tắm giặt cơm nước xong đến Hội trường đầy đủ trước 19 giờ. Đúng giờ thấy đồng chí Sáu Vân (Võ Văn Kiệt) đại diện Thường vụ Trung ương Cục đến thông báo tin chiến thắng của các tỉnh từ miền Trung vào, qua tấn công giành thắng lợi dồn dập, Trung ương đánh giá tình hình ta, địch hiện nay và triển vọng sắp tới. Về tình hình, tôi nhớ rất rõ đồng chí Võ Văn Kiệt nói: lực lượng ta sung sức đang trên đà áp đảo địch, giành chiến thắng liên tục, nguy quân, nguy quyền Sài Gòn đang hoang mang tháo chạy hỗn loạn; Mỹ thì bất lực không cứu vãn được chế độ Sài Gòn; ta quyết tâm tiến công dứt điểm thành phố Sài Gòn, tạo điều kiện giải phóng miền Nam. Chủ trương cho trường giải tán trong đêm nay, học viên thanh toán các việc có liên quan, đến 8 giờ sáng ngày hôm sau cơm nước xong giao bưu R đem xe đến đưa hỏa tốc học viên tỉnh nào về tỉnh nấy, với tinh thần một ngày bằng 20 năm, cùng với địa phương khai thác và chớp lấy thời cơ tấn công, giải phóng và tiếp quản tỉnh nhà. Buổi họp hội trường kết thúc, mọi người ra về mang trong người niềm tin và phấn khởi không ai ngủ được. Anh em sắp xếp đồ dùng cá nhân đem trả tài liệu cho trường, mua bánh, trà nấu nước uống, mở radio theo dõi tin chiến thắng, bàn tán cho đến sáng. Nấu cơm ăn xong, đến điểm tập trung trước 8 giờ lên xe GMC đưa về Tà Nong (Tây Ninh). Sáng sớm ngày

hôm sau, lên xe honda 90, mỗi chiếc chở 2 người, 3 chiếc ba lô và lương khô ăn theo đường. Xe chạy một lèo, đúng 18 giờ trong ngày đến trạm Đầu Cầu ở sông Sở Thương để tổ chức đưa về các lĩnh miền Tây Nam Bộ. Đi xe chật, đường vòng suốt ngày không nghỉ, trong người quá ư uể oải không thể nào ăn uống gì nổi, mọi người nằm ịch trên chiếc ba lô ở giữa sân trạm khoảng 1 tiếng đồng hồ. Tôi khỏe lại, uống một cốc nước, chia tay chúc mừng thắng lợi với các anh, chị, mỗi người trở về địa phương.

Trên đường từ miền Đông về, chúng tôi thấy bộ đội chủ lực hành quân trùng trùng điệp điệp, lính trẻ măng, súng đạn mới, công binh bắt đầu cho xe tăng qua sông và suối. Về đồng bằng lại càng phấn khởi và tăng thêm động lực cho mọi người trên đường hành quân.

Sáng hôm sau, tôi đến Thường trực Tỉnh ủy báo cáo. Thường trực Tỉnh ủy đang họp bàn về chủ trương sắp xếp tổ chức, bố trí cán bộ và tấn công địch. Các đồng chí phấn khởi có thêm được 3 cán bộ về kịp thời. Các đồng chí thông báo tình hình ở nhà, chủ trương của Tỉnh ủy bố trí lại cán bộ. Tôi được phân công làm trưởng ban cán sự thị trấn Tân Châu (nhập 2 huyện Phú Tân A và B lại thành huyện Phú Tân). Trước mắt phân công tôi đi triển khai chủ trương này cho huyện ủy Tân Châu. Sáng hôm sau tôi lên đường qua sông Cửu Long đến căn cứ Tân Châu ở biên giới khoảng giữa sông Tiền và Hậu, triển khai cùng với huyện xây dựng kế hoạch tấn công. Xong, về tập hợp các thành phần trong Ban cán sự đã được phân công gồm có: Anh Lê Quốc Việt, anh Hai Thanh niên và một số cán bộ. Còn anh Hai Vân, chị Ba Thương và chị Bảy Thật vì còn bận công tác chưa về

kip. Ba anh em bàn kế hoạch bám trụ, xây dựng lực lượng để chuẩn bị cho tấn công địch trên địa bàn được phân công.

Về ăn ở bám trụ chia làm 2 bộ phận. Tôi và anh Hai Thanh niên bám trụ ấp III xã Thường Phước, anh Lê Quốc Việt bám trụ ấp Thượng xã Thường Thới Tiền. Nhiệm vụ là móc nối cơ sở cũ và xây dựng cơ sở mới theo con đường quen thân ở nội, ngoại ô thị trấn Tân Châu, đối tượng là phòng vệ dân sự, thầy cô giáo và học sinh (vì có các anh em ở 2 xã này đi học và dạy ở Tân Châu), dân lao động ở thị trấn. Hai bộ phận bám trụ được hơn tuần lễ, vừa theo dõi tình hình vừa xây dựng được một số cơ sở. Đúng 12 giờ ngày 30-4 Tổng thống Minh lên đài tuyên bố đầu hàng. Tranh thủ thời cơ, lực lượng du kích xã Thường Phước bao vây bức rút đồn Bến dò (ngang Tân Châu).

Tình hình khẩn cấp, không được sự chỉ đạo của tỉnh và cũng không quan hệ được 2 bộ phận với nhau, tôi cho anh em mang thư đến Đảng ủy xã Thường Phước xin vận động thanh niên để xây dựng lực lượng và mượn súng để trang bị. Đến 18 giờ trong ngày, bộ phận tôi hành quân cập bờ sông Cửu Long xuống bộ phận anh Quốc Việt. Đi nửa đường, gặp anh Quốc Việt đi ghe máy lên thì tôi mới biết anh cũng có chủ trương thống nhất như thế. Bộ phận tôi cùng trở xuống đóng quân chung điểm với anh Quốc Việt ở ấp Thượng xã Thường Thới Tiền. Đến 9 giờ tối, 2 cánh đi vận động về được 80 thanh niên, mượn được 16 súng các loại, phân công đồng chí Sơn phụ trách làm công tác tư tưởng và biên chế tổ chức theo đội hình quân đội. Nhưng khổ nổi,

chẳng những không súng mà không có cả quần áo
mùng mền gì cả.

Trưa ngày 30-4 anh Quốc Việt thay mặt Ban chỉ
huy Mặt trận thị trấn Tân Châu viết thư tranh thủ tên
Trung tá Phan Thanh Hùng, quận trưởng kiêm chỉ
huy khu trưởng Tân Châu. Anh cho người mang thư
đến anh Út Sương là cơ sở của mình. Anh Út Sương
đưa trực tiếp cho Phan Thanh Hùng, y bàn bạc đồng
ý sẵn sàng giao toàn bộ vũ khí và quân trang quân
dụng cho Ban chỉ huy mặt trận (quân giải phóng).
Nhưng tối rồi, không quan hệ được, ta cũng lúng túng
không biết làm sao sang sông. Buổi chiều ta đã phân
công cán bộ bám vào ngoại ô Thị trấn để nắm lại lực
lượng trong phòng vệ dân sự ở ngoại ô, quy định đầu
giờ nhá đèn làm ám hiệu cho lực lượng qua chiếm.
Đúng là đã thực hiện theo quy định, nhưng lúc này
lực lượng vũ trang tỉnh mới kéo về được một đại đội
pháo, chưa có bộ binh. Anh Sáu Tân Ủy viên Thường
vụ Tỉnh ủy Trưởng ban Chỉ huy chiến dịch chưa đến.
Chỉ có tôi và chị Tư Bình, thành viên trong ban chỉ
huy, họp anh em bàn tới bàn lui, tìm phương án tốt
nhất qua sông chiếm thị trấn. Nhưng có ý kiến : nếu
thắng lợi không nói gì, nếu thất bại sẽ bị kỷ luật, vì
bản thân chỉ có 16 súng, không ai hỗ trợ. Đến đầu giờ
cơ sở ta nhá đèn. Lực lượng công an vũ trang của tỉnh
do anh Trường An Phó ban An ninh tỉnh phụ trách
cũng chưa dám cho lực lượng sang sông. Nhưng anh
em quá hăng hái, tự lực kéo quân lên ấp III Thường
Phước sang sông. Không kèm chế được sự phấn khởi
của anh em, buộc lòng anh Trường An cũng phải cùng
lực lượng sang sông chiếm ngoại ô.

Đến khoảng 4 giờ sáng ngày 1-5 cơ sở ta mang thơ Trung tá Phan Thanh Hùng quận trưởng kiêm Chi khu trưởng Tân Châu trả lời, giao cho tôi. Tôi và anh Lê Quốc Việt xé thơ ra đọc trước anh em. Phấn khởi quá, không còn chờ đợi được nữa, tôi nói dứt khoát : Nếu lực lượng của tỉnh và huyện Phú Tân không đi thì lực lượng của Thị trấn Tân Châu có bao nhiêu cũng vượt sông Cửu Long, giải phóng, tiếp quản theo phạm vi nhiệm vụ được giao, vì thời cơ đã đến rồi, không chần chờ gì nữa.

Lúc này tôi, anh Quốc Việt, anh Hai Thanh niên và một số cán bộ khác hội ý chớp nhoáng. Liên đó tổ chức cho anh Quốc Việt đi trước, bố trí đi theo 1 tiểu đội có súng. Đến 5 giờ sáng toàn bộ lực lượng của thị trấn kể cả tỉnh và huyện Phú Tân tự tổ chức vượt sông Cửu Long mạnh ai nấy chiếm theo địa bàn của mình. Đến thị trấn, tôi bố trí lực lượng ở các chốt xong, đến tại nhà anh Út Sương thì anh đã tập trung quản lý anh em sĩ quan của ngụy quân, ngụy quyền ở Tân Châu chờ ta đến, gồm có : Trung tá Phan Thanh Hùng quận trưởng kiêm chi khu trưởng, đại úy Thuận điều hành trợ lý quận trưởng, thiếu tá Cảnh tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn Bảo an, Đại úy Nhân trưởng chi cảnh sát...

Tôi và anh Quốc Việt bàn thống nhất viết lời kêu gọi cho quận trưởng Phan Thanh Hùng lên đài truyền thanh kêu gọi anh em sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ các lực lượng ngụy quân của huyện mang vũ khí và quân trang quân dụng đến tại chi khu nộp cho quân giải phóng. Chấp hành lệnh của quận trưởng, sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ kể cả phòng vệ dân sự

lũ lượt mang vũ khí đến giao nộp. Lúc bấy giờ trực tiếp ở đây chỉ có tôi, anh Quốc Việt, anh Hai Trường An. Lực lượng đến giao vũ khí càng lúc càng đông, vũ khí càng nhiều. Tôi ra lệnh cho họ cứ giao vũ khí rồi tự do đi về nhà làm ăn. Phòng vệ dân sự chở súng bằng xe lôi, xe ba gác đến nộp đủ các loại. Bà con mình ở 2 xã Thường Phước và Thường Thới Tiền (Hồng Ngự) phấn khởi tràn qua, nhất là thanh niên, đưa kều bằng chú, bằng bác, bằng cậu và xin súng mang. Lúc đó tôi biết rành cháu nào thì cho và bảo mang vào tập trung với lực lượng vũ trang thị trấn. Được cơ sở mình vận động bà con tự may cờ, hầu như nhà nào cũng có treo, cờ giải phóng phát phối đủ rục toàn thị trấn. Tôi khoảng 10 giờ, tôi nhớ lại anh em thường nói, nếu giải phóng thành phố nên quản lý tốt và hoạt động bình thường ở 3 nơi : nhà thương, điện lực và cấp thủy. Giao việc tiếp nhận vũ khí lại cho anh em khác, tôi cùng anh Sáu Hấn y sĩ của ta, trước tiên đi đến nhà thương, mời Bác sĩ và anh em phục vụ nói chuyện và đi giao nhiệm vụ bảo quản dụng cụ y tế, thuốc men tiếp tục điều trị bình thường cho nhân dân. Tôi giới thiệu anh Sáu Hấn ở lại cùng các anh em lo quản lý nhà thương. Tôi cùng chú bảo vệ đến nhà đèn, cấp thủy vì 2 nơi này gần nhau. Tôi mời anh em tập trung lại, tự giới thiệu là đại diện Ban chỉ huy mặt trận thị trấn Tân Châu, nói chuyện và giao nhiệm vụ : cần phải bảo quản tốt máy nước, vật tư nhiên liệu, tiếp tục hoạt động bình thường không để cúp điện cúp nước. Các anh em phấn khởi hứa sẽ làm tròn nhiệm vụ được giao, nhưng có đề nghị : Một là, nhiên liệu chạy khoảng 1 tuần nữa hết phải được tiếp dầu. Hai

là, cần có ứng lương tháng 5 để anh chị em công nhân sống và làm việc. Tôi hứa : nhiên liệu sẽ cấp tiếp và lương tháng 5 sẽ trả đủ cho anh em. Hứa như thế chứ tôi đâu có 1 lít nhiên liệu nào, tiền đâu mà trả lương cho anh em. Chính mình cũng chưa biết lương là gì. Nhưng nhận định chắc chắn rằng ta sẽ có nhiều liệu không để tắt điện, nước và tiền trả lương cho anh em công nhân, nên tôi hứa để anh em an tâm.

Sáng ngày 2-5 cán bộ Khu và Tỉnh đến bàn kế hoạch đăng ký quân huấn ngũ quân, ngũ quyền. Tổ chức đăng ký đợt 1, sĩ quan đưa về trên. Hạ sĩ quan và binh sĩ, nhân viên ngũ quyền quân huấn tại chỗ. Ban cán sự lúc này chia làm 3 bộ phận : một là đăng ký quân huấn ngũ quân ngũ quyền ; hai là phát động quần chúng truy quét thu hồi vũ khí bọn trốn tránh không trình diện đăng ký ; ba là phát động quần chúng và xây dựng các tổ chức quần chúng, lực lượng công an, quân sự thị trấn và khu phố.

Tỉnh tổ chức mít tinh mừng chiến thắng. Có hơn 1 vạn người từ các xã lân cận, bằng cờ đội ngũ chỉnh tề kéo về dự tại sân vận động Tân Châu, tạo khí thế phấn khởi trong các tầng lớp quần chúng. Hơn 20 năm mới có một ngày. Mới giải phóng, tình hình ổn định, thì chúng tôi lại phải tiếp nhận 16.000 đồng bào Việt Kiều bị bọn Pôn Pốt đuổi về nước, với hai bàn tay trắng, thiếu đói và đau ốm phải đưa vào trường học ở tạm và vận động đồng bào tại chỗ cứu trợ gạo muối, thuốc men, quần áo. Sau đó giao cho Ban xây dựng vùng kinh tế mới của tỉnh đưa về các xã ở huyện Hồng Ngự, Tam Nông, Thanh Bình cấp đất xây nhà và sản xuất. Tỉnh Long Châu Tiền do cấu tạo các

huyện, không có thị xã nên tỉnh quyết định lấy thị trấn Tân Châu làm thị xã và cử tôi làm Bí thư Thị xã ủy kiêm chủ tịch Ủy ban quân quản thị xã Tân Châu, thuộc lĩnh Long Châu Tiền.

Do quản lý cắt cử nên vùng nông thôn không đem gạo đến bán, do đó chúng tôi thiếu gạo ăn. Thị xã ủy họp bàn chủ trương đi tỉnh Tiền Giang mua gạo về bán lại cho CBCNV, chiến sĩ và đồng bào. Nhưng khổ nổi không tiền, phải tổ chức mượn các anh em tiểu thương, tiểu chủ và mượn thêm của tỉnh. Các anh cử tôi trực tiếp đi mua gạo. Tôi và 2 nhân viên cùng đi 1 chiếc xe con chở tiền xuống quan hệ với Tiền Giang. Hơn 10 ngày mua được 500 tấn gạo. Tôi phải trưng dụng ghe, xe Tân Châu và thuê tại chỗ vận chuyển 500 tấn gạo về giá mua 0,39đ/kg về bán 0,41đ/kg, kể cả bán chia cho các đơn vị của tỉnh và huyện Tân Châu. Đồng bào ở đây rất vui mừng phấn khởi. Mỗi lần ghe, xe gạo về tới, hàng trăm người ra bến đón và nói từ hồi nào đến bây giờ mới thấy ông Thị trưởng trực tiếp đi mua gạo về cho dân ăn.

Vì lo tập trung giải phóng và tiếp quản, công việc dồn dập, hơn 20 ngày sau tôi mới nhớ tới bà già và 3 đứa con ở sông Sở Thượng trên biên giới Hồng Ngự. Tôi nhờ anh và chị tôi ở Thường Phước qua cánh đồng đến nơi kiểm nhưng không thấy bà cháu ở đâu hết, chỉ thấy bọn Pôn Pốt tràn xuống chiếm biên giới. Anh chị kiểm dài xuống mừng Cái Sạch gặp 4 bà cháu che ni-lông ở tại gốc me nước. Vì bà già là người Cao Lãnh mới lên giữ cháu, không quen ai hết nên ở tại đây chờ người đến kiểm. Anh chị tôi rước 4 bà cháu về Hồng Ngự và lên Tân Châu, tin cho vợ tôi lúc

này phụ trách 1 xã ở huyện Phú Tân, công việc bẽ bối nên cũng quên luôn mẹ và các con. Được tin, vợ tôi lên Tân Châu gặp mẹ và các con ; vừa mừng vừa xúc động, bàn bạc sắp xếp nơi ăn ở của bà già và 3 con ổn định để tiếp tục những công việc được giao còn lại sau giải phóng.

Tôi ở đây hoạt động cho tới cuối tháng 2-1976 được quyết định của khu ủy giải thể tỉnh Long Châu Tiền và tỉnh Sa Đéc, thành lập lại tỉnh An Giang và tỉnh Đồng Tháp, tôi được điều động về công tác tỉnh Đồng Tháp cho đến nay.

PHAN HỮU LẬP

NHỚ MÃI

Năm 1970, các đơn vị quân đội Thiệu hành quân lên biên giới. Lúc bấy giờ Lon Nol tàn sát Việt Kiều ghê quá. Tôi và Thanh Trúc có lúc ra tá túc bà con ngoài Chợ Gòi, ven sông Cửu Long ở Vĩnh Lợi Tường. Dưới sông giang thuyền thủy quân Thiệu lục cục, lòn hòn, đen xì, đậu lênh nghênh. Nhưng cũng dưới sông, từng chùm, từng chùm đông đặc như những giề lục bình, từng chùm thây ma Việt Kiều bị xô xâu vào những cây tre, chùm ba có, chùm năm có, lênh bênh trôi theo dòng nước. Bà con ta, từ Hồ Lương xuống, ở 2 ven sông đều tự huy động, người thì lo chiếu, người thì đào hố, người lo ghe thuyền vớt xác vào chôn cất cẩn thận, kể cả lo những nén nhang thơm, khói hương nghi ngút. Nói là tự huy động, thật ra bên trong đều có sự chỉ đạo trực tiếp của một bộ phận Trung ương Việt Kiều, đang có mặt ở đây trong thời điểm đó, Tình dân tộc, nghĩa đồng bào, ai mà đứng đưng cho được. Hơn nữa, để thây người nổi trôi nhiều quá, xú uế nồng nặc, nước sông làm sao mà dùng ?

Tuy nhiên, chiến tranh vẫn là chiến tranh ! Gởi Thanh Trúc ở đất đỏ yên vị xong, tôi quá giang xuôi dòng Sở Thương, quay trở lại vùng Cồn Cỏ, xuống Mỹ Thiện, một mình dọt vào Gò Một Rày tìm thăm ba má nuôi mà tôi đã về thăm qua một lần năm 1969. Hồi ấy

cả nhà bình yên, kể cả nhà anh chị Hai Mỹ cũng chưa gặp điều gì bất hạnh. Nhưng trước kia sau ngày tập kết, chị Ba có tá túc ở gia đình trong một chuyến đi bí mật, sau khi chị rời khỏi nhà một lúc thì biệt kích quân Diệm bên sông tràn sang, tàn sát cả gia đình anh chị Hai Mỹ tôi. Lúc bấy giờ nhà ngoài ven sông. Khi chúng nó rút, bà con xúm lại, lo chở cả nhà đang ngập trong máu, lên cứu cấp ở bệnh viện Lò Veng, sau đó lên tận Nam Vang chữa chạy. Kết quả, một cháu chết, mấy đứa khác bị thương nhẹ cũng cứu được. Chị Hai, ngực lỗ chỗ đạn Mi Tulle cũng được cứu sống, riêng anh Hai thì đạn ăn vào cột sống lưng, cứu được sanh mạng, nhưng toàn thân bị liệt bại. Chị Hai tôi chăm sóc chí tình. Cần vào đồng coi lúa hay là đi dạy học, chị Hai đều công, như con sam ngoài biển lúc nào cũng công chồng dính cứng trên lưng vậy. Tháng 7 năm 1970 này cả hai nhà và chòm xóm chưa ai bị thiệt hại gì. Tôi mừng quá, định về Đất Đỏ điều Thanh Trúc ra đây gần vùng ven Hồng Ngự hơn, lặng yên hơn. Bà má tôi bảo cô Út Lựu : — Anh Bông về, con lột trái dừa khô, nấu bí hầm dừa cho anh Bông ăn. Lúc đó, tôi nào đâu biết được đây là những lời cuối cùng của bà mẹ người Quảng Nam, theo chồng vào Nam với cụ Phan Châu Trinh. Sau khi cụ Phan chết thì theo chồng lên vùng biên giới xa xôi hẻo lánh này khai phá đất hoang, sanh cơ lập nghiệp...

Tôi trở về Đất Đỏ, cùng trở ra với Thanh Trúc. Ngược xuôi, vừa bộ, vừa thuyền, đường đi đã mất 3 ngày. Lúc trở ra, tôi ngạc nhiên, thấy cả nhà cùng với bà con chòm xóm đều xuống thuyền sinh sống dưới bến sông Mỹ Thiện. Trong đồng, chỉ thỉnh thoảng ra

vào thăm nom nhà cửa và ba đám ruộng. Trên bờ, thấy có dựng tạm một túp lều, đóng góc tre làm cọc, gác cành vừng làm dầm, lót vài tấm ván dọc tạm làm bộ phận. Đang mùa khô, thấy có đặt ngoài sân một bàn thờ, đầy đủ nhang đèn, lư hương, bài vị. Thanh Trúc lần đầu tiên mới đặt chân về đây, tôi không biết người nhạc sĩ này cảm xúc như thế nào, chỉ mang máng thấy chàng trai Đất Mũi nhà ta, miệng ngậm chặt, môi mấp máy da mặt từ nắng cháy hồng hồng dần dần chuyển sang màu tai tái, xam xám. Chị hai tôi sụt sùi kể :—Có ai điếm chỉ không biết, lính nó phát hiện mấy cái hầm cất giấu vũ khí của bộ đội Kiến Phong từ tổng tấn công tết Mậu Thân, chúng nó liền huy động rất đông lực lượng vùng 4 chiến thuật và cả tỉnh Kiến Phong về rất nhiều nào M 113, M 118. Trước đó cho hàng bảy cá rô, cá nóc quăng đảo cả vùng rồi tập trung lại chung quanh gò Mộc Rày, Mộc Rá, thi nhau nã rốc kết, xỏ hàng tràng dài đại liên cực nhanh rờ rờ cả buổi trời. Lúc đầu chúng bắn ngoài đồng, từng cụm vùng, chòm gang đều tan tác. Dần dần chúng bắn xuống từng cây na, gốc mít, từng miệng giếng vườn nhà. Cả nhà đều chui xuống các hầm tránh pháo ần núp. Riêng má bị thấp khớp, không chịu xuống hầm, má xây tròn chung quanh bờ lúa, dưới nhà bếp. Tới chừng ngót tiếng súng mọi người trồi lên, thì má bị miếng rốc kết vào đầu, máu ra lênh láng cả sàn nhà và đã tắt thở. Sau đó chúng nó xộc vào từng nhà, xom ngoài vườn từng gốc cây, hố rác. Có vài thằng Huế Kỳ, nói cho ngay, cũng có cho mấy thằng y tế của chúng nó tới băng bó cho má. Nhưng má đã trút hơi thở cuối cùng từ bao giờ. Nó lại bắt mọi người lên xe, lừa ra Hồng Ngự. Năm nĩ i ôi mãi « nào phải làm đám tang cho bà », « nào bỏ

trâu, ruộng lúa » chúng nó mới cho về. Chúng nó đe :
chứa chấp Việt Cộng thì nó bắn bỏ cả nhà. Tôi lặng
người, biết nói gì bây giờ. Tôi đến thắp nhang trước
bàn thờ người mẹ Quảng Nam, rủ Thanh Trúc cùng lạy.
Quay xuống ghe, nói đôi câu an ủi ông cụ. Có biết nói
gì bây giờ. Chỉ đổ lỗi cho sự xui xẻo ngẫu nhiên. Chỉ
Hai lại ôn tồn dặn :— Dường như bọn « chó » có đánh
hơi gia đình mình, em đưa Thanh Trúc vào trong gò
tả túc, trong có hầm tránh pháo. Có gì thì nhảy
xuống. Chị còn trữ gạo. Thịt cá chị sẽ cho tụi con
Sương vào ra tiếp tế, còn cơm nước mỗi ngày, có Út
vào nom nhà sẽ thổi nấu cho tụi bây. Ở ngoài này,
vẫn còn bọn địa phương quân Hồng Ngự và tụi biệt
kích rần rì đồn Cầu Muống hành quân tảo thanh cho
tụi chủ lực Sư 5, Sư 25, Sư 7, Ky binh bay, Thủy quân
lục chiến đánh sâu vào vùng trong dài lên đến Lò
Veng, Căng Đan. Vài hôm nữa, sẽ cho tụi bây ăn thịt bò
nhúng dấm, chắc hôm rày ăn cá tôm chán chê rồi chắc.
Nói xong, oi ột gọi Út Lựu chuẩn bị đưa hai đứa tôi
vào trong gò.

Còn đang mùa khô. Từ mé sông vào gò, cứ theo
đường cộ trâu mà đi. Thẳng cánh chim bay, đoạn
đường dài độ 6 cây số. Đồng trống vắng. Thấy rõ
những rặng cây của Mộc Rày, Kinh Lý, Mộc Rá, Gò
Trâu v.v... xa tít tắp mờ mờ chân trời, những cột
khói đốt đồng phía Sông Xai, Tân Thành, Cái Cái. Út
dẫn đường. Lâu lâu ngoái lại, vừa động viên, vừa làm
thân với Thanh Trúc :— mỗi chân chưa anh Tư ?
Thanh Trúc nghĩ gì lúc đó, tôi nào có biết. Riêng tôi
trong lòng pha trộn bao nỗi thương cảm cho gia đình
đang bị tai nạn cùng với ngồn ngộn biết bao nỗi

buồn vui lần lượt hiện lên trong ký ức, từ những ngày đầu tiên được quen biết gia đình này mà lâu ngày chày tháng, từ ba má, đến anh chị Hai, chị Ba Tho, chú Tư Thiện, chú Sáu Lành, em Lý, em Lựu, ai ai cũng đều dành riêng cho tôi một tình sâu đậm ruột rà thân thích. Tôi nhớ hồi năm 1951, tôi công tác ở Ban tham mưu tỉnh đội Long Châu Sa, làm thư ký riêng cho đồng chí Nguyễn Như Văn, lúc bấy giờ là Tỉnh đội phó tham mưu trưởng. Tôi bị sốt rét. Anh em công tôi vào quân Y Tỉnh đội chữa chạy, lúc đó đóng ở Gò Mộc Rày này đây. Khi Tỉnh đội chuẩn bị vào chiến dịch Cao Lãnh, Quân Y cũng chuẩn bị số giường trống để chờ chăm sóc thương binh. Lãnh đạo bệnh viện bàn với nhân dân quanh vùng, mỗi nhà chia nhau rước về nuôi một đồng chí bệnh binh giùm. Lúc đó tôi còn đang lên cơn sốt mê man. Ông già vào bệnh viện, chọn tôi và cho người nhà vào khiêng tôi về từ lúc nào không biết. Tỉnh dậy, đã thấy được đắp mền len cẩn thận, mồ hôi ướt đầm. Dường như trong nhà ai cũng canh chừng tôi. Thấy tôi qua cơn mê sáng, ai cũng tíu tít, tôi nghe loáng thoáng: cháo hành, cháo hành. Một loáng, chị Ba bưng tô cháo trứng dày đặc hành lá xắt mỏng lợn cợn đầy bột tiêu. Tôi húp chén cháo nóng, ấm bụng cả lòng dạ ruột gan. Dần dần xưng rõ danh tánh quán quê. Hỏi thăm từng thành viên trong nhà để xưng hô cho tiện. Chú Tư Thiện giăng câu đặt trúm rất giỏi. Chiều chiều, đem cái mâm cây, móc trùm vào hàng trăm lưởi câu, quẩn cho thật khéo, để lúc giăng xuống nước được gọn gàng, nhanh chóng mà không bị rối. Lại chuẩn bị đèn xuống, ống trúm đầu đó sẵn sàng. đi cả đêm như vậy, về lúc nào cũng được vài ký cá

bông, vài ký lươn. Còn tôi thì được thưởng thức những tô cháo lươn thơm phức, thịt lươn nấu chín, gỡ ra bỏ xương, phi mỡ hành xong rồi lại mới cho vào cháo. Sau này, nhiều khi vào cao lầu Hàng Buồm nếm món súp lươn, tôi không bao giờ thấy được ngon, thơm, mát bằng những chén cháo lươn thuở ấy, ở Gò Mộc Rày. Đang nghĩ miên man thì bước chân đã về đến nhà lúc nào không hay. Nhà ba má tôi cất theo kiểu nhà sàn ; chân cao, lót ván, có nhà phụ để bỏ lúa và làm nhà bếp. Út Lựu đề anh Tư Thanh Trúc rửa chân, nằm nghỉ lưng, khều tôi :

— Anh Ba xuống đây, em chỉ này...

Ván sàn nhà bếp, gỗ thao lao, không được trơn tru bóng láng bằng sàn nhà trên. Vết máu đọng vững bên bờ lúa, cả nhà kỳ cọ mãi không trôi. Dường như mẹ tôi cũng muốn bày tỏ ý chí một tắc không đi, một li không rời của mình, giữa thanh thiên bạch nhật cho mọi người cùng biết. Tôi ngậm ngùi, lại nhớ bình nhật, bà ít nói. Tánh bà khó, hay rầy la con cháu. Riêng đối với tôi, lúc nào cũng thấy bà cười, nụ cười dịu hiền, lặng lẽ. Tôi bảo Út thảp cho tôi nén nhang trên vách bồ kho, cạnh bên bờ lúa, cầu nguyện cho hương hồn Má được phiêu diêu nơi miền cực lạc, không quên cầu nguyện Má phò hộ chúng con được đi đến nơi về đến chốn... Chúng tôi thấy trong chuyến đi này, dù trong bom đạn toi bời, hỗn phía phủ vây, chúng tôi vẫn được bình yên kỳ lạ...

HỒ BÔNG

NHỮNG KỶ NIỆM KHÔ QUÊN

Sau khi lực lượng Hòa Hảo ly khai ra đầu hàng Mỹ Diệm, địch tăng cường đánh phá cơ sở cách mạng, thực hiện chiến dịch tổ Cộng, diệt Cộng càng gay gắt.

Một ngày của tháng 4-1956, văn phòng Huyện ủy Cao Lãnh trên đường từ Nhị Mỹ chuyển về kinh Bà Phủ (Mỹ Ngãi), đến kinh Thầy Kiện thì trời sáng và nước cạn, không vào đầm được, phải tạm ở nhà của một cơ sở ta trên kinh này.

Vào khoảng 8 giờ sáng, trong đang lúc tôi đan thúng, anh Thân (chủ nhà), anh Ba Niệm và anh Chín Tam đang cùng nói chuyện trước nhà, thì bọn lính đồn Thống Linh đi Cao Lãnh về đến. Bị cạn, chúng dừng lại. Thấy lính, anh Thân mang cuộn tài liệu mà trước đó anh Năm Thảo nhờ anh đưa cho một cán bộ ở vùng này, ra đi. Anh Chín Tam, anh Ba Niệm bước vào trong nhà. Bọn lính lên bờ. Thấy không êm, tôi bước ra khỏi nhà đi về hướng Bò-Ôm. Địch rượt theo, tôi lội qua một cái lung gần đó và chạy. Chúng đuổi theo tới bờ lung dừng lại, dùng tiểu liên bắn tôi, đạn xúi 2 bên chân. Trong lúc bọn lính đang theo tôi, anh Ba Niệm và anh Chín Tam bước ra khỏi nhà, lội qua kinh Thầy Kiện. Thấy 2 anh, bọn lính bỏ tôi, đuổi theo 2 anh.

Tôi chạy về hướng Bò-Ôm, tưởng rằng nơi đây êm, không có gì. Vừa chạy tới nhà ông Năm Trĩ thì đụng bọn lính của Tiểu đoàn 503 của địch, Tiểu đoàn khét

iếng ác ôn, đang bắt gà vịt của bà con ở đây. Chúng đuổi theo tôi. Vì chạy mệt và bị vướng cổ lác không chạy khỏi địch theo bắt kịp được tôi. Chúng móc túi lấy tiền, giấy tờ và 1 sổ đỏ trong túi, dẫn tôi về nơi đóng quân (nhà anh Tám Bò ngang vàm Cái-đun). Sau khi xem giấy tờ tên chỉ huy dẫn tôi ra hàng gạo phía trên nhà nói :« Sổ tiền này anh ủng hộ cho anh em binh sĩ tôi nghen ».

Tôi nói :« Tôi chỉ có bao nhiêu, anh lấy hết còn đâu tôi xài ». Nó trả lại 30 đồng.

Tôi lại năn nỉ. Tên này khăng giọng :« Sinh mạng anh có bao nhiêu đây, anh còn tiếc sao ». Tôi đành bỏ, chúng lấy của tôi 180 đồng và thả tôi.

Căn cứ kinh Bà Phủ không ở được vì bị địch ruồng bắt được cán bộ. Văn phòng Huyện ủy phải dời về ngọn rạch Nhum (xã Mỹ Ngãi).

Vào khoảng 7 giờ sáng của một ngày tháng 5-1956, bọn lính của Tiểu khu chiến Phong Mỹ do Thiếu úy Mẫn chỉ huy, đến ruồng ráp vùng ngọn rạch Nhum với mục đích là bắt dân làm xâu (mà chúng gọi là công tác) tìm bắt Việt Cộng. Tôi không tránh kịp, đành chịu cho chúng bắt. Chúng lấy giấy tờ của tôi và dẫn đi cùng với đoàn người bị bắt, trong đó có con bà chủ nhà tôi ở và 1 sổ thanh niên cơ sở ta. Trên đường đi về bót, chúng còn lùng bắt thêm 1 sổ người nữa. Tôi tìm cách trốn, nhưng không được vì đồng trống. Thừa lúc địch không chú ý 2 thanh niên cơ sở ta trong sổ người bị bắt đến giúp tôi làm bản tay tôi để địch không nghi khi chúng xét.

Về đến Tiểu khu chiến Phong Mỹ, tên Thiếu úy Mẫn cùng 6, 7 tên bộ hạ xem xét giấy tờ, kiểm tra từng người một. Có đủ giấy tờ, không có gì khả nghi, chúng

thả. Không có đủ giấy tờ hoặc có gì khả nghi, chúng giữ lại.

Đến khoảng 10 giờ, chúng mới kiểm tra đến tôi. Tên Thiếu úy Mẫn xem xét giấy tờ của tôi có đủ, xem tay tôi, chúng nói «tay dơ quá hà !», rồi trả giấy tờ và thả tôi. Lúc đó khoảng trên 10 giờ ngày 18 tháng 3 năm Bình Thân, ngày chánh giỗ ông già tôi đang tổ chức tại gia đình. Tôi trở về điếm và thu xếp để dời đi nơi khác.

— Một ngày của tháng 5-1957, trong dịp đi công tác tôi ghé nhà 1 cơ sở ở ấp Hạ (xã Mỹ Trà) cách Cao Lãnh trên 3 km. Gần nhà có 1 tên công an chìm của địch. Vừa ghé nhà cơ sở, tôi dòm sang nhà tên công an chìm thấy nó đang nói chuyện với 1 tên công an ở Cao Lãnh đến. Tôi vừa ngồi xuống ghế thì tên công an Thị xã đến. Thấy tôi, tên này thốt : « Trời ơi, sao anh này xanh dữ vậy ! » Tôi trả lời : « Bị rét lâu ngày trị không hết nay đi Cao Lãnh trị, vừa tới đây mệt quá nên ghé đây nghỉ tạm ». Nó hỏi giấy tờ tôi, tôi đưa nó xem. Thấy giấy đi đường hết thời hạn nó tròn tròn và kêu xe lôi mời tôi về Cao Lãnh.

Vừa xuống xe trước cổng trụ sở tề xã Mỹ Trà tôi gặp tên T... công an địch, quê ở gần nhà tôi. Thấy tôi nó nói : « Anh M... (tên em tôi) bị bắt hả? », rồi nó bỏ đi đá banh. Vào trụ sở, tôi nhìn ra đường thấy 2 tên công an huyện địch nguyên là cán bộ kháng chiến ra đầu hàng, nhìn sang phố phía trên thấy một cán bộ trong kháng chiến chống Pháp đang ngồi dựa vào cửa, tôi lo và không dám nhìn ra đường nữa, sợ chúng nhớ mặt. Giấy tờ tôi, bọn công an cảnh sát chuyền tay nhau xem, hết tên này đến tên khác, rồi tùm nhau bàn.

Trong lúc đó, bà chủ nhà (nhà cơ sở ta nơi tôi bị bắt) cùng hàng chục bà con ở xóm, trong đó có chủ ấp, chủ khóm (của ngụy) kéo đến đấu tranh, lãnh tôi. Trước khi thế của bà con và thấy tôi có đủ giấy tờ (tuy giấy đi đường đã hết hạn) nên địch thả tôi. Tôi liền kêu xe lô trở về nhà cơ sở ta và lập tức rời khỏi nơi đây.

— Tháng 3-1955, tôi làm giao liên căn cứ 1. Khoảng 6 giờ sáng, tôi chở tài liệu đầy cả hai khoang xuống mũi và lái từ nhà chị Tư Nhịn (ngọn Mương Khai Mỹ Trà) để giao cho trạm giao liên Huyện tại An Bình.

Xuống vừa tới ngang đình Cái Môn, tôi thấy một tên mặc áo lính và quần «sọt» vàng, tôi nói thầm: «Chết cha rồi, gặp lính Hòa hảo!». Bơi tiếp ít dặm nữa tôi thấy toàn là lính mặc đồ vàng đóng dọc theo kinh Quán Khánh. Tôi thầm nghĩ: «Không phải, lính quốc gia» và bơi xuống vào vòng quân của địch cùng với một số xuống khác. Một lính hỏi: «Xuống có bán cá không?» Tôi trả lời: «Không». Tôi mượn Tư Hoàn, tôi rẽ xuống An Bình. Tôi ngọn Bà Chợ, có tìm lính phục ở ngoài vàm. Tôi dừng lại, chờ địch rút mới đi đến điểm.

— Năm 1958, một lần tôi chở tài liệu từ nhà ông Ba Chân (khóm Cá Chốt ấp Tịnh Châu—Tịnh Thới) để về Cái Sung (ấp Tịnh Mỹ—Tịnh Thới). Dự định là khi tới ngang Dơi Me thì trời vừa khuất dạng người. Không ngờ, khi xuống vừa cách Dơi Me khoảng 5—600 mét trời đã chạng vạng thì gặp nước lớn (nước triều lên), xuống phải đi ngược dòng. Nước lớn chảy mạnh, không tài nào bơi nhanh được nữa. Tôi cập bờ phía Tịnh Thới bơi xuống. Tôi ngang Dơi Me thì trời đã tối từ lâu. Lính trên đồn hỏi: «Xuống gì đó!». Không ai trả lời. Tôi

định bụng là khi địch hỏi lần nữa, tôi tụt xuống nước cho xuống trôi, theo dòng. Linh trên đồn lại hỏi : «xuồng gì đó ?». Có tiếng trả lời : «Xuồng dò». Tôi nghĩ bụng : «Không phải linh thấy xuồng mình». Tôi tiếp tục cập bờ Tịnh Thới bơi xuống. Gần nửa tiếng đồng hồ sau, xuồng tôi mới qua khỏi bót Doi Me. Tôi thở phào nhẹ nhõm.

— Cũng năm này, trong lúc tôi ở nhà cô Năm (bà già Thành Tấn) ở rạch Ông Cung, (Mỹ Long), bà già tên T... công an ngầm thường lân la theo dõi. Bữa nọ, nhân trong lúc cả nhà đi vắng (đi đám giỗ nhà bà con gần bên) cột cửa nhà lại, bà già tên công an đến mở cửa xông vào nhà lục lạo. Thấy vậy, tôi tránh vào trong kẹt nhà. Chiều lại, cả nhà đi ăn hậu thường đám giỗ, khi về nấu cơm cho tôi ăn. Bà già tên công an lại đến, xông vào bếp thấy nấu cơm nó hỏi : «Chị Năm, cả nhà đi ăn hậu thường, sao lại nấu cơm cho ai ăn đây ?» Cô Năm trả lời : «Mấy đứa ăn không no, nên nấu cho chúng nó ăn thêm».

Chạng vạng ngày đó có tin cho biết : «Cảnh sát sẽ dẫn dân vệ đến xét nhà vì có người báo là nhà bà (nhà cô Năm) chứa Việt Cộng». Tôi liền gom tài liệu, quần áo của tôi chạy ra sau vườn tránh. Một lát sau, tên cảnh sát dẫn 1 tiểu đội dân vệ đến xét nhà cô Năm (nhà tôi ở). Bốn lính hùng hổ hết lục chỗ này đến chỗ khác, kê cả chỗ tôi ngủ và làm việc. Không có gì, có tên đòi ra vườn lục nữa. Tên cảnh sát không cho nói : «Nó đã đi thì đi mất rồi còn lục gì nữa».

3 giờ sáng Thành Tấn đi tìm tôi. Dưới ánh trăng mờ mờ, tôi gặp Thành Tấn bàn việc tránh khỏi nơi này, chôn cất tài liệu và Thành Tấn đưa tôi ra Bình

Thanh nơi thường trực Huyện ủy ở.

Cũng trong năm ấy, trong lúc tôi ở nhà chị Ba Giữa ở Cái Sung (ấp Tịnh Mỹ, Tịnh Thới), nhằm mùa lúa chín, bà con các nơi đến gặt lúa mướn, trong đó có một số chị em phụ nữ. Hàng chục tên có cả lính dân vệ và thanh niên trong xóm rầm rập kéo nhau tìm số chị em này, làm cho tất cả chị em phụ nữ gặt mướn đều trốn. Bọn lính xô cửa định xông vào nhà chị Ba Giữa xét, cho rằng chị giấu mấy chị em phụ nữ gặt lúa. Chị cột chặt cửa lại không cho chúng vô. Chúng nằng nặc đòi xét nhà. Chị cự lại với chúng: « Tôi là đàn bà góa làm gì mấy anh đòi xét nhà tôi cả đêm ». Bọn chúng đành rút lui đi tìm nơi khác.

Trong suốt thời gian kháng chiến chống Mỹ, tôi đã ở hằng mấy trăm gia đình. Trong đó có nhiều gia đình ở vùng địch hoàn toàn kiểm soát hoặc bán kiểm soát; một số gia đình ở vùng căn cứ cách mạng; Có gia đình ở khá lâu, nhiều lần ở trên 3 năm; Có gia đình ở năm, ba tháng, có gia đình chỉ ở năm, ba ngày, thậm chí có gia đình chỉ ở một đêm. Dù ở lâu hay mau những gia đình đó, từng nơi, từng lúc, từng hoàn cảnh tuy có khác nhau, nhưng nói chung đều với tinh thần tin yêu cách mạng, bảo vệ cán bộ, bảo vệ tôi. Đặc biệt là các gia đình ở trong vùng địch hoàn toàn kiểm soát và bán kiểm soát đều hết lòng lo cho cách mạng, lo cho cán bộ. Khi tôi về ở nhà họ, dường như tất cả người trong gia đình đều lo cho tôi. Có thể nói lo cho tôi còn hơn người thân trong gia đình. Làm sao quên được những hình ảnh đó, tinh thần hy sinh vì cách mạng, bảo vệ cán bộ, bảo vệ tôi.

Những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ. Với ý thức bảo vệ cách mạng, bảo vệ cán bộ của bà con kể cả các em ở xóm Mương khai (Mỹ Trà). Một sáng tháng 4-1955, trong khi tôi đang làm việc trong nhà thì em Mười chạy đến báo tin « Anh Hai ơi, lính tới ! ». Tôi thu xếp cất giấu tài liệu vừa xong thì bọn lính đến nơi. Tôi ra ngoài vót nan để tạo thế hợp pháp...

Từ cuối năm 1956 đến đầu năm 1959, gia đình ông Ba Chân ở khóm Cá Chốt (ấp Tịnh Châu, Tịnh Thới) đã nhiều lần nuôi chứa tôi. Ông, bà đã nhường chỗ ngủ của con gái mình cho tôi ngủ và làm việc. Tất cả những người trong gia đình đều lo cho tôi : lo cơm nước, lo bảo vệ, giúp tôi cất giấu tài liệu, làm liên lạc, đi thư... Chẳng những ông bà không nhận sự đóng góp của tôi về việc ăn uống, mà còn may tặng quần áo cho tôi.

Được biết trước đó và sau này, gia đình ông bà vẫn nuôi chứa cán bộ xã, huyện, tỉnh về đây hoạt động, vẫn đài thọ sự ăn uống của anh em, không tính toán gì cả. Bị bọn do thám theo dõi, chỉ chọc, ông và người con gái lớn của ông bị địch bắt tra tấn đánh đập đến mang bệnh. Giờ đây ông đã từ trần !

Anh Năm Hiền ở khóm Cá Chốt (ấp Tịnh Châu Tịnh Thới), đã nhường cái giường duy nhất của vợ chồng anh cho tôi ngủ và làm việc. Còn vợ chồng và 2 con anh thì dời ra phía trước ngủ trên một sạp ván nhỏ hẹp. Cho tôi xây dựng hầm bí mật trong nhà (hầm đục xi-măng) và bình tĩnh đối phó với địch, để cho địch bắt anh, bảo vệ tôi !

Anh chị em cơ sở ở khóm Cá Chốt (ấp Tịnh Châu

Tịnh Thới), nhiều lần kèm chân bọn dân vệ xã (cho nó nhậu) khi chúng đi lùng sục vào vùng này, tích cực bảo vệ căn cứ của huyện ủy mà tôi thường ở và làm việc bảo đảm căn cứ không bị lộ trong thời gian dài.

Chị Ba Giũa ở Cái Sung (ấp Tịnh Mỹ, Tịnh Thới) chăm sóc nuôi dưỡng tôi chu đáo. Những lúc tôi bệnh không tắm ban đêm được, ban ngày chị nấu nước, xách nước pha cho tôi tắm, giặt giũ quần áo giùm tôi. Chị còn tích cực đấu tranh với bọn lính dân vệ khi chúng định xông vào xét nhà chị, tìm mọi cách bảo vệ tôi.

Bác Tám Đại (trưởng ấp của ngụ quyền) ở Cái-Da (Nhị Mỹ), nhiều lần trên đường ra trụ sở xã làm việc, gặp lính hành quân hoặc đóng quân, bác liền trở về báo cho tôi biết.

Bà má Ba ở rạch Ông Thuận (Mỹ Xương), không cho tôi ngủ riêng, bảo tôi ngủ chung với bà, với con cháu bà trong một mùng. Ban đêm dường như bà không ngủ, cứ thức canh chừng cho tôi ngủ.

— Anh Mười Lái (Năm Kha) ở ấp Bình Mỹ (Bình Thạnh) để bảo vệ tôi, để tránh địch lùng ráp, ban đêm anh đưa tôi đến một chỗ hiềm yếu trong miếng rẫy của anh cách xa nhà, cho tôi ngủ. Anh cẩn thận tủi rơm lên nóp để nghi trang. Sáng ra, sau khi quan sát kỹ, không có địch, anh mới cho tôi hay trở về nhà.

Cô Năm (bà già Thành Tấn) ở rạch Ông Củng (xã Mỹ Long), ngoài việc lo cơm nước chu đáo cho tôi, cô còn tích cực đấu tranh, đối phó với cả gia đình tên công an địch gần đó thường lân la theo dõi và tích cực đối phó khi bọn dân vệ xã Mỹ Long đến xét nhà

— Ông, bà thầy giáo Danh ở Mương Trâu (ấp Mỹ Đông, Mỹ Thọ) nhà ông bà là điểm của trường trực Huyện ủy ở làm việc và hội nghị. Sau này tôi và văn phòng Huyện ủy về ở đây, được ông bà chăm sóc chu đáo. Riêng bà thường câu từng con cá lòng tong để nuôi chúng tôi.

Không chỉ có bao nhiêu đó mà còn nhiều gia đình, nhiều tinh thần tốt đẹp khác trong việc bảo vệ cách mạng, bảo vệ nuôi chữa tôi mà tôi không thể kể hết. Còn có người đã mất! Chúng ta phải làm gì đây với bà con cô bác muôn vàn kính yêu !

Để đáp lại sự thương yêu, đùm bọc của bà con trong những ngày ăn ở trong gia đình, Tôi tích cực thực hiện đúng phương châm, cố gắng giữ gìn bí mật để bảo vệ mình và bảo vệ bà con. Tùy thực tế hoàn cảnh và điều kiện, tôi cố gắng giúp đỡ bà con : ru các cháu ngủ, tắm rửa cho các cháu khi gia đình bận, đan giúp thúng rổ, khi bà con thiếu ; đan giúp gàu tưới nước, gàu tát đìa khi bà con cần, tranh thủ tiếp gia đình tưới thuốc, bắt sâu thuốc, trữ thuốc, xếp thuốc... khi vắng người ; nhìn nhút tiền cho bà con mượn để chăn nuôi, để sản xuất, khi bà con thiếu ! ở những nơi có điều kiện và tình hình cho phép, tôi gánh vác việc cơm nước cho cơ quan và cho cả gia đình. Sáng sớm tôi quét bếp, quét nhà, nấu nước, pha trà cho các cụ, ở những gia đình có cụ già...

Tuy sự giúp đỡ của tôi đối với bà con chẳng có bao nhiêu, nhưng gây được ấn tượng tốt, làm cho bà con càng thương yêu, đùm bọc mình hơn. Có bà mẹ

bảo đưa con gái út cưng của bà đang may : « con để đó, tiếp lo cơm với anh con ! ». Và ông cha rầy tôi, khi tôi thu xếp để rửa sau khi ăn cơm xong : « mấy để đó em mấy rửa không được sau ! ». Đó là tình thương của bà con là sự động viên rất lớn đối với tôi, tôi luôn tâm đắc.

Những ngày ở trong vùng địch, dường như tiếng nói của mình bị nghẹn đi, giọng hát bị ngưng lại. Những lúc ra ngoài, nhất là những lúc đi trên sông Cửu Long là dịp để tôi có thể thét to lên. Lúc ấy, tôi Lung thuyền ra giữa sông Cửu Long, tôi hát ;

- Hát để kiểm tra lại coi mình còn nhớ không ?
- Hát để xem giọng hát của mình giờ đây thế nào ?
- Hát để quên đi những ngày phải ép mình trong tối.

Tôi hát những bài hát trong kháng chiến chống Pháp mà tôi thuộc :

- Lên Đàng — Lá xanh
- Tháp Mười anh dũng,
- Một chiều trên kinh Nguyễn Văn Tiếp.
- V v...

Tiếng hát của tôi vẫn như những ngày nào. Nhưng giọng hát của tôi không còn như trước nữa, bài hát có đoạn nhớ, đoạn quên, nhưng tôi vẫn hát.

Vừa bơi vừa hát, cặp mắt vẫn quan sát hai bên bờ sông xem động tịnh thế nào ?

Tiếng gió rít, tiếng sóng vỗ vào mạn thuyền hòa với tiếng hát của tôi như những bản hòa tấu giữa dòng sông Tiền mênh mông, nhưng chẳng có ai nghe ngoài tôi.

Gió yên dần, lượn sóng giảm đi, tiếng hát của tôi im hẳn trước khi vào sông rạch nhỏ đưa tôi đến điểm.

LÊ VĂN ĐÔNG



MỤC LỤC

Trang

1. Lời Nhà Xuất bản	5
2. Cảnh sôi động ở chợ Cao Lãnh trong những đầu Cách mạng Tháng 8.	7
3. Những ngày đầy ý nghĩa.	17
4. Bác Hồ kính yêu mãi mãi trong tâm hồn tôi.	30
5. Lễ truy điệu Bác ở tỉnh nhà.	36
6. Lời thề năm ấy.	41
7. Nhớ lại cuộc hành quân trong cơn bão.	45
8. Bắt tàu ban ngày ở thị xã Sađéc.	50
9. Người lính sư đoàn.	53
10. Cồn hạnh phúc.	57
11. Tôi viết bài hát hoa sen.	61
12. Chuẩn bị thực lực giải phóng và tiếp quản một vùng yếu.	66
13. Nhớ mãi.	78
14. Những kỷ niệm khó quên.	84

Sen hồng Đồng Tháp
(Hồi ký — Tập II của nhiều tác giả)

Chịu trách nhiệm xuất bản :

NGUYỄN VĂN HẪN

Biên tập : **HUỲNH PHƯỚC HỒNG**

Trình bày, bìa : **LINH HIỀN**

Sửa bản in : **THÁI DƯƠNG**

*In 500 bản. Khổ 13×19 cm tại Xi nghiệp In
Đồng Tháp. Số xuất bản : 31/XBĐT—KH 92. In xong
và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 1992,*